

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ ĐỨC TRỌNG

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM
PHẠM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BỒ ĐỨC TRỌNG

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI
XÂM PHẠM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã ngành: 8380104

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. TRẦN THỊ QUANG VINH

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Bồ Đức Trọng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	7
1.1 Khái niệm và các đặc trưng pháp lý của các tội xâm phạm sức khỏe của người khác theo Bộ luật hình sự 2015	7
1.2 Nhận thức về thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác	14
1.3 Khái quát lịch sử hình thành, phát triển quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thực hành quyền công tố	28
Chương 2: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC	36
2.1 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng	36
2.2 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng	39
2.3 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong truy tố, xét xử vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng	48
2.4 Đánh giá tổng quan thực trạng thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Bình Phước	58
Chương 3. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI	

XÂM PHẠM SỨC KHỎE NGƯỜI KHÁC THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TU PHÁP	64
3.1. Định hướng nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố theo yêu cầu Cải cách Tư pháp.....	64
3.2 Hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố theo tinh thần Cải cách Tư pháp.....	70
3.3 Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố theo tinh thần cải cách tư pháp	73
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	- Bộ luật hình sự
BLTTHS	- Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	- Cơ quan điều tra
ĐTV	- Điều tra viên
KSHĐTP	- Kiểm sát hoạt động tư pháp
KSV	- Kiểm sát viên
HĐTP	- Hoạt động tư pháp
THQCT	- Thực hành quyền công tố
QCT	- Quyền công tố
VKS	- Viện kiểm sát
VKSND	- Viện kiểm sát nhân dân
TP HCM	- Thành phố Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Kết quả THQCT trong việc phê chuẩn quyết định tố tụng của CQĐT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác (Giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.2: Tình hình Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố về tội cố ý gây thương tích, từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.3: Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu cơ quan điều tra thay đổi tội danh từ Điều 134 BLHS sang Điều 135 BLHS từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.4: Số liệu thụ lý và giải quyết án xâm phạm sức khỏe của người khác trong giai đoạn truy tố từ năm 2013 đến năm 2017.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của mọi chính sách xã hội và pháp luật của Đảng và Nhà nước ta. Đấu tranh bảo vệ quyền con người là trách nhiệm của Nhà nước và mọi cá nhân trong xã hội, tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm". Do vậy, khi có bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến các quyền con người đều bị trừng trị rất nghiêm khắc. Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã dành một chương riêng quy định trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người, trong đó các tội xâm phạm sức khỏe của con người chiếm một vị trí quan trọng, được đặt ở vị trí thứ hai sau các tội xâm phạm "tính mạng" của con người.

Thực hiện công tác đổi mới, trong những năm qua tình hình kinh tế xã hội ở tỉnh Bình Phước đã có những bước chuyển vượt bậc, vươn lên mạnh mẽ. Là một tỉnh có điều kiện tự nhiên và giao thông thuận lợi nên Bình Phước thu hút được nhiều đầu tư của nhà nước và nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp, đặc biệt là khu công nghiệp Đồng Xoài, Đồng Phú và Chơn Thành đã làm cho đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân được cải thiện một bước quan trọng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế cũng nảy sinh và tồn tại cả những mặt trái của nó, đó là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc, sự tha hóa trong lối sống, đạo đức, sự xuất hiện ngày càng nhiều các tệ nạn xã hội cũng như các hành vi phạm tội, đặc biệt là các hành vi như trộm cắp, cướp giật, ma túy, mại dâm, xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác trong đó các hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác đang có chiều hướng ngày càng gia tăng cả về số lượng và tính chất nguy hiểm trên địa bàn. Các tội phạm phạm này có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội, nó trực tiếp xâm phạm tới khách thể của luật hình sự bảo vệ đó là sức khỏe của con người.

Trong khi đó, hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân đối với nhóm tội phạm này còn bộc lộ những tồn tại nhất định trong hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát như: chưa nắm nội dung vụ án để đưa ra các yêu cầu điều tra kịp thời; chủ quan, phiến diện trong việc định tội, định khung hình phạt; đánh giá chứng cứ vụ án, quá trình giải quyết vụ án chưa phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra dẫn đến việc phê chuẩn không đảm bảo chính xác, vụ án bị kéo dài quá hạn, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, làm oan người vô tội. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu cụ thể và thiết thực để công tác thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đáp ứng được các tôn chỉ hoạt động của ngành kiểm sát: Mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật; Việc điều tra phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật.

Nhận thấy vai trò và tầm quan trọng của đề tài trong thực tiễn, với kiến thức được trang bị và những tìm hiểu thực tế trong công tác trong ngành kiểm sát tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, tác giả lựa chọn đề tài "***Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước***" làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở nước ta hiện nay, liên quan đến hoạt động Thực hành quyền công tố, tác giả đã tiếp cận, tham khảo được một số bài viết, công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí, diễn đàn khoa học về quyền công tố và tổ chức thực hiện quyền công tố tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như Lê Hữu Thế: “Về khái niệm quyền công tố”; Lê Hữu Thế (Chủ biên): Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra (Sách tham khảo), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005; Lê Cẩm: “Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố”, “Một số vấn đề

lý luận cơ bản về quyền công tố”; Nguyễn Thái Phúc “ Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân”; Vũ Mộc “Về thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự, thực tiễn và kiến nghị”; Trần Văn Độ “Một số vấn đề về quyền công tố”; Các luận văn thạc sĩ như: “Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự” của tác giả Võ Phước Long, năm 2007; “Bắt người trong tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Phạm Văn Nhung, năm 2008; “Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra tội giết người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước” của tác giả Nguyễn Quốc Hân (2015). Ngoài ra còn có một số Luận án, Luận văn nghiên cứu về tội phạm cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới các góc độ khác nhau như: Đặc điểm tội phạm học, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm công tác phòng ngừa...

Các công trình nêu trên chủ yếu đi sâu nghiên cứu về mặt lý luận về chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân. Hiện nay chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể về thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe người khác nói chung, từ thực tiễn tỉnh Bình Phước nói riêng.

Vì lý do đó, tác giả muốn có sự nghiên cứu sâu đề tài "*Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước*" nhằm nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý hình sự và nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác, để từ đó đưa ra các biện pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân, đồng thời nâng cao hiệu quả áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích một số quy định pháp luật hiện hành về thực hành quyền công tố, luận văn đi sâu phân tích, đánh giá quá trình và kết quả hoạt động thực thi pháp luật liên quan, phân tích đặc thù của nhóm tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm đưa ra các kiến nghị hoàn

thiện các quy định pháp luật về thực hành quyền công tố và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong điều kiện hiện nay.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu trên, luận văn có những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, luận văn làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của đề tài như khái niệm, phân tích những dấu hiệu pháp lý hình sự phạt đối với các tội xâm phạm sức khỏe của con người; khái niệm và đặc trưng của thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác

Thứ hai, phân tích luật thực định về thực hành quyền công tố, đánh giá thực tiễn các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Từ đó rút ra những bất cập của pháp luật TTHS hiện hành và chỉ ra các vướng mắc, hạn chế trong thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát tỉnh Bình Phước trong các vụ án xâm phạm đến sức khỏe của người khác.

Thứ ba, đề xuất hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam về chức năng thực hành quyền công tố theo tinh thần cải cách tư và đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong vụ án về các tội xâm phạm sức khỏe của người khác

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận văn có đối tượng nghiên cứu là quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về thực hành quyền công tố, quy định của PLHS về các tội xâm phạm về sức khỏe, thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát tỉnh Bình Phước trong các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Đây là đề tài thuộc cả hai lĩnh vực luật hình sự và TTHS nên các vấn đề của luận văn được nghiên cứu dưới góc độ TTHS và hình sự.

Về không gian và thời gian: luận văn được nghiên cứu trên cơ sở khảo sát thực tiễn thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe tại tỉnh Bình Phước trong giai đoạn năm năm gần đây (từ 2013 đến 2017).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các nghị quyết Đại hội Đảng X, XI và các nghị quyết của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và nhất là trong Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể là: Phân tích, tổng hợp, chứng minh, so sánh... để phân tích các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

Kết quả nghiên cứu của Luận văn có ý nghĩa về khoa học cũng như thực tiễn.

- *Về khoa học*: Luận văn góp phần làm sáng tỏ những lý luận về thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe như khái niệm, các đặc trưng pháp lý của nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác, cũng như chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong công tác thực hành quyền công tố.

- *Về thực tiễn*: Luận văn có thể làm tư liệu cho các nhà làm luật nước ta nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội phạm này dưới khía cạnh lập pháp hình sự để nâng cao hiệu quả áp dụng và đấu tranh, phòng ngừa nhóm tội phạm này trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng, cả nước nói chung.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận, lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe người khác.

Chương 2: Quy định pháp luật Tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố

và thực tiễn áp dụng đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe người khác theo yêu cầu cải cách tư pháp.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1 Khái niệm và các đặc trưng pháp lý của các tội xâm phạm sức khỏe của người khác theo Bộ luật Hình sự 2015

1.1.1 *Khái niệm các tội xâm phạm về sức khỏe của người khác theo BLHS 2015.*

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đánh dấu một bước phát triển to lớn trên lĩnh vực quyền con người. Nếu như quyền con người trong Hiến pháp 1992 sửa đổi chỉ có một điều (Điều 50) quy định về quyền con người thì Hiến pháp năm 2013 đã dành một chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân (chương II). Trong chương này, tất cả các quyền con người, trong đó có quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe được quy định cụ thể và tương thích với các công ước quốc tế về quyền con người. Tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm"[18]. Đặc biệt, quyền này còn được bảo vệ bởi văn bản luật quan trọng là Bộ luật hình sự. Bộ luật hình sự Việt Nam cũng cấm những hành vi trái pháp luật xâm phạm đến sức khỏe, thân thể của người khác và đưa ra những chế tài đối với loại hành vi này.

Tuy nhiên, để hiểu rõ khái niệm "các tội xâm phạm sức khỏe của con người", chúng ta cần tìm hiểu khái niệm "sức khỏe". Trong các Giáo trình luật hình sự Việt Nam và một số tài liệu nghiên cứu, bình luận chuyên sâu hiện nay chủ yếu đưa ra khái niệm chung về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, ít có khái niệm riêng về các tội xâm phạm sức khỏe của con người, có thể điểm qua như sau:

GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa quan niệm: "Các tội xâm phạm sức khỏe là những hành vi (hành động hoặc không hành động) có lỗi (cố ý hoặc vô ý) xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác".[12, tr.409]

TS. Trần Thị Quang Vinh quan niệm các tội xâm phạm sức khỏe của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến sức khỏe của con người.[25, tr.61]

PGS.TS. Trần Văn Luyện quan niệm các tội xâm phạm sức khỏe của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến quyền sống, quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người.[14, tr.60]

TS. Đỗ Đức Hồng Hà quan niệm: "Các tội xâm phạm sức khỏe của con người là hành vi có lỗi, xâm phạm quan hệ nhân thân mà nội dung của nó là quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của con người".[8, tr.278]

Về cơ bản các quan điểm trên đều tiếp cận dưới góc độ pháp lý, đều phản ánh nội hàm khái niệm các tội xâm phạm sức khỏe của con người. Các khái niệm trên đều phản ánh được đặc điểm của các tội xâm phạm sức khỏe của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, có dấu hiệu lỗi và xâm phạm quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người.

Tuy nhiên, ở chừng mực nhất định, có quan điểm lại không đề cập đến dấu hiệu chủ thể là người có năng lực trách nhiệm hình sự, dấu hiệu tuổi chịu trách nhiệm hình sự của chủ thể hoặc chưa khẳng định rõ khách thể của tội phạm này là quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ.

Theo Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 có 7 tội thuộc nhóm tội này. Đó là:

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS);
- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135 BLHS);

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136 BLHS);
- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137 BLHS);
- Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 138 BLHS);
- Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc hành chính (Điều 139 BLHS);
- Tội hành hạ người khác (Điều 140 BLHS).

Từ những phân tích trên, dưới góc độ khoa học luật hình sự, các tội xâm phạm sức khỏe của con người là những hành vi (hành động hoặc không hành động) nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải là người đạt tới độ tuổi nhất định thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận, bảo vệ.

1.1.2 Các đặc trưng pháp lý của các tội xâm phạm sức khỏe của người khác

Xét các yếu tố cấu thành của các tội phạm này có thể thấy:

Khách thể loại của nhóm tội phạm

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại [12, tr.409]. Nhà nước quy định hành vi xâm phạm đến các quan hệ xã hội quan trọng là tội phạm trong Bộ luật Hình sự. Do đó, khách thể của tội phạm phải là các quan hệ xã hội mà nhà nước muốn duy trì, bảo vệ; đối tượng bị tội phạm xâm hại là quan hệ xã hội được Nhà nước bảo vệ. Luật hình sự không bảo vệ tất cả các quan hệ xã hội trong xã hội mà chỉ những quan hệ xã hội quan trọng, ảnh hưởng mạnh tới đời sống chính trị- xã hội- kinh tế đất nước mới được Nhà nước chọn làm đối tượng bảo vệ của Luật hình sự. Khi đó, các quan hệ xã hội này mới có thể trở thành khách thể của tội phạm. Như vậy, khách thể của nhóm tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe. Đối

tượng tác động của các tội phạm xâm phạm sức khỏe là con người đang sống, đang tồn tại với tư cách là thực thể tự nhiên và xã hội. Đối tượng tác động của các tội phạm xâm phạm sức khỏe là con người, luật hình sự phân biệt thành các loại đối tượng tác động khác nhau như người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.

Dấu hiệu khách quan của nhóm tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm, hành vi khách quan của tội phạm là cách xử sự của con người thể hiện ra bên ngoài thể giới khách quan dưới những hình thức nhất định, gây thiệt hại cho những quan hệ được luật Hình sự bảo vệ. Các tội xâm phạm sức khỏe của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này là những hành vi có tính chất gây tổn hại cho sức khỏe của con người. Những hành vi đó có thể là hành động hoặc có thể không hành động. Nhưng không phải mọi hành vi tác động đến con người đều bị coi là trái pháp luật. Theo quy định của pháp luật hình sự và trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự có một số hành vi tuy gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác vẫn được coi là hợp pháp như hành vi gây thiệt hại trong giới hạn phòng vệ chính đáng, trong phạm vi yêu cầu tình thế cấp thiết, dùng vũ lực trong giới hạn cần thiết để bắt người phạm pháp.

Các tội xâm phạm sức khỏe con người là những tội có cấu thành tội phạm vật chất nên hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc. Hậu quả của hành vi khách quan nói trên là những thiệt hại gây ra cho quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất là thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe. Thương tích là vết thương trên cơ thể của nạn nhân, vì thế sức khỏe của họ bị suy giảm, còn tổn hại về sức khỏe là tình trạng rối loạn chức năng hoạt động của một hoặc nhiều bộ phận của cơ thể con người do hành vi phạm tội gây ra, vì thế sức khỏe của họ bị suy giảm như sự rối loạn hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ thần kinh...

Trong luật Hình sự, mối quan hệ nhân quả của tội phạm là dấu hiệu định tội của nhóm các tội có cấu thành tội phạm vật chất, được xác định là mối quan hệ giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội với hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi đó gây ra. Hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là nguyên nhân phải xảy ra trước hậu

quả nguy hiểm cho xã hội và phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Trong trường hợp, hành vi nguy hiểm cho xã hội chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng khả năng thực tế đó chưa biến thành hiện thực thì lại có yếu tố khác xen vào gây nên hậu quả nguy hiểm cho xã hội thì không tồn tại quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm trước đó với hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Việc xác định quan hệ giữa hành vi phạm tội và hậu quả của nhóm các tội xâm phạm sức khỏe con người có những đặc trưng riêng. Thứ nhất, việc xác định quan hệ nhân quả của các tội xâm phạm sức khỏe của người khác phải căn cứ vào kết quả giám định tỷ lệ thương tích do Trung tâm giám định pháp y kết luận. Bản kết luận giám định tỷ lệ thương tích là chứng cứ, Việc đánh giá kết luận giám định này do người tiến hành tố tụng thực hiện. Thứ hai, việc xác định quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và thiệt hại về sức khỏe rất khó xác định trong trường hợp bị hại chết sau một thời gian điều trị thương tích tại bệnh viện. Trường hợp này, thiệt hại về tính mạng có thể do hành vi phạm tội gây ra, nhưng cũng có thể do lỗi của bác sĩ trong quá trình điều trị. Vì vậy, khi có hậu quả chết người xảy ra cần phân tích tình trạng thương tích của bị hại trước khi nhập viện và kiểm tra quá trình điều trị tại bệnh viện để xác định quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả bị hại tử vong.

Ngoài hành vi khách quan của các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và hậu quả của nhóm tội phạm này, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, thì các tội xâm phạm sức khỏe của người khác còn được thể hiện ra bên ngoài bằng những biểu hiện khác như công cụ, phương tiện, thủ đoạn, phương pháp, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh thực hiện tội phạm. Trong đó, công cụ, phương tiện phạm tội là những vật mà người thực hiện tội phạm tác động, tấn công vào người bị hại gây thiệt hại về sức khỏe, là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Phương pháp thủ đoạn phạm tội là cách thức mà người phạm tội sử dụng để tấn công người bị hại.

Dấu hiệu chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm, các tội xâm phạm sức khỏe của con người do những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực

hiện. Theo pháp luật hình sự Việt Nam, chủ thể của tội phạm được hiểu là con người cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội ở thời điểm họ có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Cũng như các tội phạm khác, chủ thể của các tội xâm phạm sức khỏe của con người là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật định. Năng lực chịu trách nhiệm hình sự là năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Năng lực chịu trách nhiệm hình sự là điều kiện cần thiết để có thể xác định một người có lỗi hay không khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chỉ có người có năng lực trách nhiệm hình sự mới có thể là chủ thể của tội phạm. Người có năng lực trách nhiệm hình sự là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, có khả năng điều khiển được hành vi ấy. Người có năng lực trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam là người đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không thuộc trường hợp ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Các tội xâm phạm sức khỏe của con người đòi hỏi người phạm tội phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tức là khi thực hiện hành vi phạm tội họ có khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật ngăn cấm và họ có khả năng điều khiển, kiểm chế hành vi của mình để không thực hiện hành vi nguy hiểm đó nhưng họ vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Bên cạnh năng lực trách nhiệm hình sự, chủ thể của các tội xâm phạm sức khỏe của con người phải là người đạt tới độ tuổi nhất định. Điều 12 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng quy định một trong các điều 123, 134, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 Bộ luật này.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình

sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý, đặc biệt nghiêm trọng. Đối chiếu với khoản 1 Điều 9 BLHS quy định về các loại tội phạm thì tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác là người từ đủ 16 tuổi trở lên. Riêng người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự nếu phạm tội quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 134 BLHS.

Trong các tội xâm phạm sức khỏe có hai tội đòi hỏi chủ thể phải là chủ thể đặc biệt. Ngoài dấu hiệu năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định, chủ thể đòi hỏi phải có quan hệ thân thuộc với nạn nhân, trong đó nạn nhân là người lệ thuộc vào người phạm tội (Điều 140) hoặc phải là người đang trong khi thi hành công vụ (Điều 137) [13, tr.361].

Dấu hiệu chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan, Chủ thể thực hiện các tội xâm phạm sức khỏe của con người là người thực hiện hành vi phạm tội một cách có lỗi (cố ý hoặc vô ý). Lỗi là dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt chủ quan của các tội xâm phạm sức khỏe của con người cũng như trong mặt chủ quan của mọi cấu thành tội phạm. Lỗi trong cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm sức khỏe của con người có thể là lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý.

Với lỗi cố ý, có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp. Trong trường hợp lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội thấy trước hậu quả thương tích hoặc hậu quả tổn hại cho sức khỏe có thể xảy ra (hoặc tất nhiên xảy ra) nhưng vì mong muốn hậu quả đó nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội nhận thức hành vi của mình có khả năng gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, thấy trước hậu quả gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe có thể xảy ra nhưng để đạt được mục đích của mình người phạm tội có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra hay nói cách khác, họ có ý thức chấp nhận hậu quả đó (nếu xảy ra). Với lỗi vô ý, có thể là lỗi vô ý do cẩu thả hoặc lỗi vô ý vì quá tự tin. Trong trường hợp lỗi vô ý do cẩu thả, người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được. Trường hợp lỗi vô ý vì quá tự tin, người phạm tội

không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó.[1, tr.95]

1.2 Nhận thức về thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

1.2.1 Khái niệm thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

Khái niệm về quyền công tố: Công tố, theo từ điển tiếng Việt có nghĩa là: “*điều tra, truy tố, buộc tội kẻ phạm pháp trước Tòa án*”[21, tr.204]. Về mặt từ ngữ, theo Từ điển Luật học năm 2006 của Nhà xuất bản Tư pháp, quyền công tố là “*quyền buộc tội nhân danh Nhà nước đối với người phạm tội*”[22, tr.188]. Khái niệm này đã đưa ra phác họa chung nhất về quyền công tố. Tuy nhiên đứng trên góc độ chuyên ngành luật, khái niệm quyền công tố đang được bàn luận với nhiều quan điểm khác nhau. Để có thể hiểu rõ hơn về khái niệm quyền công tố, tác giả cho rằng cần phải có sự nghiên cứu sâu xa hơn, phải xuất phát từ các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Trong Tố tụng hình sự, luôn tồn tại 3 chức năng cơ bản là chức năng buộc tội, chức năng bào chữa, chức năng xét xử.

Các nhà nghiên cứu pháp luật cho rằng: chức năng buộc tội còn gọi là chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự, là một dạng hoạt động tố tụng nhằm phát hiện kẻ phạm tội, chứng minh lỗi của người đó, bảo đảm xét xử và hình phạt đối với người đó. Chức năng buộc tội là hoạt động của Viện Kiểm Sát nhằm xác định tội phạm và người phạm tội, buộc kẻ phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Chúng ta thấy rằng, buộc tội, với tư cách là một chức năng tố tụng, là hoạt động chống lại một cá nhân cụ thể nào đó. Đó chính là hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội. Người buộc tội hay cơ quan thực hiện chức năng buộc tội có quyền đưa ra lời buộc tội và có nghĩa vụ chứng minh cho sự buộc tội đó [11, tr.7].

Trong một vụ án hình sự, nếu hoạt động truy tố nhằm buộc tội và thực hiện chức năng công tố làm khởi động toàn bộ quá trình Tố tụng hình sự thì hoạt động bào chữa là hành động tự vệ hợp pháp của người bị buộc tội. Đó là toàn bộ những gì

mà phía người buộc tội có thể làm liên quan đến đòi hỏi về tính hợp pháp, tính đúng đắn của các quyết định tố tụng. Chức năng bào chữa xuất phát từ quyền được bào chữa của người bị buộc tội. Do đó, chức năng này phát sinh ngay sau khi có quyết định buộc tội của cơ quan nhà nước và hiện diện trong các giai đoạn tố tụng: Điều tra, truy tố và xét xử. Người bị buộc tội thực hiện hành vi phạm tội, được luật thừa nhận khả năng bào chữa hoặc nhờ người bào chữa chống lại sự buộc tội, bác bỏ bằng cách đưa ra chứng cứ, lập luận nhằm chứng minh vô tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình.

Xét xử là chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Chức năng xét xử chỉ do tòa án thực hiện. Khi thực hiện chức năng xét xử, Tòa án giải quyết vụ án theo thẩm quyền để xem xét bị cáo có phạm tội hay không phạm tội để quyết định hình phạt và các biện pháp tư pháp khác. Chức năng xét xử bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát. Chức năng xét xử của Tòa án kết thúc khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Chức năng xét xử chỉ xuất hiện ở giai đoạn xét xử, là giai đoạn trung tâm, có tính chất quyết định. Chức năng xét xử gắn liền với tính chất quyền lực nhà nước. Do vậy, có thể nói: “xét xử là một dạng hoạt động quyền lực nhà nước do Tòa án nhân danh nhà nước thực hiện theo trình tự tố tụng do luật điều chỉnh”.

Trong 3 chức năng cơ bản của Tố tụng hình sự nêu trên, thì chức năng buộc tội được coi là trực chính, thu hút hoạt động của tất cả những người tham gia phiên tòa. Không có sự buộc tội thì không thể có trách nhiệm hình sự, tố tụng hình sự sẽ trở thành không có mục đích và đối tượng.

Trên cơ sở những phân tích trên, tác giả chia sẻ quan điểm với khái niệm quyền công tố mà tác giả Trần Văn Độ và Lê Hữu Thế đưa ra như sau “*Quyền công tố là quyền của cơ quan Nhà nước, được Nhà nước ủy quyền, thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nhằm đưa người đó ra xét xử trước Tòa án và đồng thời bảo vệ sự buộc tội đó*”[6, tr.2-3]. Quyền này Nhà nước giao cho một cơ quan thực hiện (ở nước ta là cơ quan Viện kiểm sát nhân dân). Để làm được điều này, cơ quan công tố phải có trách nhiệm bảo đảm thu thập đầy đủ tài

liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. Trên cơ sở đó, truy cứu bị can ra trước Tòa án để bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên tòa”[17, tr.188].

Với ý nghĩa là quyền năng pháp lý, quyền công tố cần được tổ chức thực hiện. Việc tổ chức thực hiện quyền công tố được gọi là thực hành quyền công tố. Hiện nay cũng có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm thực hành quyền công tố. Từ điển Luật học giải thích: "*Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử*"[15, tr.188].

Ở Việt Nam, căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất được giao thực hành quyền công tố “Không có cơ quan nhà nước nào có thể thay thế ngành kiểm sát để sử dụng quyền công tố; bắt, tạm giữ, tạm giam, thay thế biện pháp ngăn chặn, điều tra, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, đó chính là Viện kiểm sát phải trông nom, bảo đảm cho tốt”[5]. Không cơ quan nào có thể thay Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, bởi lẽ: Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất về mặt pháp lý có quyền độc lập phát động quyền công tố; Viện kiểm sát có thẩm quyền áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, Cơ quan điều tra chỉ có quyền đề nghị. Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, VKS có trách nhiệm đảm bảo đủ các chứng cứ để truy tố bị can. Khi có đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và xét cần thiết phải xử lý người phạm tội trước pháp luật VKS quyết định truy tố bị can ra Tòa án để xét xử. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát có trách nhiệm bảo đảm việc truy tố, buộc tội bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án kết tội của Tòa án chính là việc chấp nhận lời buộc tội của Viện kiểm sát đối với người phạm tội.

Việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân như nêu trên nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội gọi là thực hành quyền công tố.

Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2014 quy định THQCT được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố... là chưa đầy đủ. Trên thực tế hoạt động THQCT của VKS phát sinh không chỉ từ khi giải

quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố mà trong các trường hợp khác như: khi cơ quan có thẩm quyền điều tra trực tiếp phát hiện người phạm tội quả tang hoặc khi người phạm tội tự thú, đầu thú... và ra Quyết định tạm giữ người, khi đó VKS đã tham gia THQCT, cụ thể: xem xét tính có căn cứ của quyết định tạm giữ hoặc phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ trong trường hợp này. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 159 BLTTHS năm 2015: VKS THQCT từ khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm (chứ không phải giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố). Vì vậy tác giả luận văn cho rằng THQCT được thực hiện từ khi Cơ quan có thẩm quyền điều tra giải quyết nguồn tin về tội phạm là mang tính chất toàn diện và đầy đủ nhất.

Từ các phân tích trên, tôi chia sẻ với khái niệm thực hành quyền công tố của tác giả Trần Văn Độ: *“Thực hành quyền công tố là việc thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó”*[6, tr.3]. Như vậy, khái niệm thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác là hoạt động của VKS trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, xâm phạm đến quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác; được thực hiện từ khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án; nhằm đảm bảo không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Những đặc trưng thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát được tiến hành ở tất cả các vụ án hình sự. Tuy nhiên, khi thực hiện chức năng này đối với các tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác lại có những điểm đặc trưng riêng, thể hiện như sau:

Thứ nhất, thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác chỉ do Viện kiểm sát tiến hành. Dưới góc độ chức năng của chủ thể có

thẩm quyền tiến hành tố tụng thì thực hành quyền công tố là chức năng mà nhà nước giao cho cơ quan có thẩm quyền tố tụng duy nhất là Viện kiểm sát. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác không có chức năng này. Cơ sở pháp lý được đưa ra là quy định của Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, chức năng thực hành quyền công tố được giao cho cơ quan Viện kiểm sát.[9, tr.11]

Thứ hai, hoạt động thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác chỉ tồn tại trong lĩnh vực tố tụng hình sự, là hoạt động thực hiện quyền truy cứu TNHS đối với người phạm tội, quyết định việc buộc tội và gỡ tội, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn...đối với người phạm tội, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định truy tố người phạm tội ra trước Tòa án, không có trong lĩnh vực kiểm sát hoạt động tư pháp.

Thứ ba, thực hành quyền công tố được thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật TTHS. Để thực hiện có hiệu quả chức năng THQCT phải do Hiến pháp, Luật tổ chức Viện kiểm sát và Bộ luật TTHS quy định. Viện kiểm sát được sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc chức năng THQCT được quy định trong Bộ luật TTHS, Luật tổ chức VKS, BLHS...để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm các tội xâm phạm sức khỏe của người khác. Vì vậy, THQCT không chỉ áp dụng pháp luật đối với người phạm tội mà còn phải tuân thủ đúng về trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Nắm được đặc điểm này đòi hỏi mỗi kiểm sát viên khi THQCT hiểu rằng bản thân mình không chỉ áp dụng pháp luật buộc tội người phạm tội mà còn phải tuân thủ pháp luật khi thi hành nhiệm vụ.

Thứ tư, THQCT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác phải tuân theo quy định pháp luật hình sự về các tội xâm phạm sức khỏe. Việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là phải có căn cứ, không làm oan người vô tội. Đặc trưng việc buộc tội đối với nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác thể hiện ở các căn cứ buộc tội: kết luận giám định tỷ lệ thương tích hay tổn hại sức khỏe, khởi tố vụ án theo yêu cầu bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết đối với các tội

xâm phạm sức khỏe của người khác được quy định tại khoản 1 Điều 134, 135, 136, 138, 139 của Bộ luật hình sự. Mặc dù, người có hành vi cố ý hoặc vô ý tác động lên thân thể của người khác nhưng không được coi là tội phạm như chưa đủ tỷ lệ thương tật theo luật định, phòng vệ chính đáng, không có đơn yêu cầu khởi tố của bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS.

Thứ năm, trong các vụ án hình sự mà VKS THQCT thì các tội xâm phạm sức khỏe của người khác là nhóm tội có tính chất nghiêm trọng, nó xâm phạm đến sức khỏe của người khác- một trong quyền bất khả xâm phạm của con người. Dưới góc độ định tội danh, hậu quả là thương tích hoặc tổn hại sức khỏe do hành vi phạm tội gây ra, khi định tội danh cần phải xem xét, đối chiếu, so sánh với nhiều cấu thành tội phạm khác: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội... Với tính chất phức tạp như trên, khi THQCT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác là một trong những hoạt động đòi hỏi kiểm sát viên phải có kỹ năng nghiệp vụ, trình độ và tiêu chuẩn nhất định mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

1.2.2. Nội dung và chủ thể thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

Nội dung thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác:

Vấn đề xác định nội dung hoạt động thực hành quyền công tố là những hoạt động nào cũng là vấn đề cần thiết. Khi xác định rõ nội dung, việc tiến hành hoạt động thực hành quyền công tố mới nhanh chóng, đầy đủ và chính xác.

Nội dung thực hành quyền công tố trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm được thể hiện ở những hành vi tố tụng như phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; phê chuẩn, không phê chuẩn các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan

có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện; Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố vụ án hình sự; Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự; Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong các trường hợp do Bộ luật này quy định; Hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, nội dung thực hiện quyền công tố của VKS được thực hiện qua việc yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật; Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do Bộ luật này quy định; Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do; Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này; Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;

Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố; Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án (Điều 165 BLTTHS)

Như vậy, trong giai đoạn điều tra, mặc dù Cơ quan điều tra trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra là chủ yếu (trừ những trường hợp cần thiết thì Viện kiểm sát trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra), nhưng nhìn một cách toàn diện và xét đến cùng, Viện kiểm sát là cơ quan có vai trò chủ đạo, quyết định và chịu trách nhiệm đến cùng về toàn bộ quá trình thực hành quyền công tố; Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát (Điều 114 Bộ luật tố tụng hình sự).

Truy tố là việc khẳng định trên cơ sở kết quả điều tra đã đủ căn cứ để chứng minh được người phạm tội trước Tòa án. Trong giai đoạn truy tố, nội dung THQCT của VKS thể hiện qua các hành vi tố tụng: Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra; Quyết

định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra; Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tách, nhập vụ án; chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; Quyết định truy tố; Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can (Điều 236 BLTTHS).

Trong giai đoạn xét xử, Viện kiểm sát thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố bằng sự tham gia trực tiếp vào quá trình xét xử vụ án. Đây là một hoạt động tố tụng trực tiếp nằm trong hoạt động thực hành quyền công tố- quyền nhân danh Nhà nước, nhân danh cộng đồng xã hội để thực hiện việc cáo buộc đối với người phạm tội trước Toà án. Theo trình tự pháp luật quy định, trước khi tiến hành xét hỏi, Kiểm sát viên công bố Bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung (nếu có). Tiếp đó, Kiểm sát viên tham gia xét hỏi cùng với Hội đồng xét xử; luận tội bị cáo; đưa ra lập luận; tranh luận với luật sư, đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... Trong quá trình xét hỏi, tất cả các tài liệu, chứng cứ, vật chứng...được thẩm tra lại tính có căn cứ, tính hợp pháp nhằm chuyển hoá từ chứng cứ tố tụng sang chứng minh tội phạm. Giai đoạn này, Kiểm sát viên theo dõi, ghi chép đầy đủ diễn biến của phiên toà; chủ động thẩm vấn, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tội trạng của bị cáo mà Hội đồng xét xử chưa làm rõ, hoặc bị cáo chối tội...

Kết thúc xét hỏi, Kiểm sát viên chuyển sang phần luận tội bị cáo. Bản luận tội đánh giá những chứng cứ buộc tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; những vấn đề về vai trò, trách nhiệm và nhân thân bị cáo; nguyên nhân, điều kiện phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm; thủ đoạn phạm tội, hậu quả xảy ra... và các điều, khoản áp dụng đối với bị cáo. Đây là hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng- là quá trình tổng kết, đúc rút, so sánh những tài liệu trong giai đoạn

điều tra ban đầu với quá trình thẩm vấn công khai tại phiên toà, giúp cho Hội đồng xét xử xác định, đánh giá đúng đắn vụ án.

Sau phần luận tội là tranh luận: Kiểm sát viên đưa ra ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình, cũng như bác bỏ những quan điểm của bị cáo, người bào chữa hoặc những người tham gia tố tụng khác, nếu quan điểm đó thiếu căn cứ, không chính xác...

Đối với phiên toà phúc thẩm, sự tham gia của Kiểm sát viên cùng cấp là bắt buộc, nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên toà. Trước khi xét xử hoặc trong khi xét hỏi tại phiên toà, Kiểm sát viên có thể bổ sung chứng cứ mới. Sau khi Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị thì chuyển sang tranh luận; Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

Chủ thể thực hành quyền công tố:

Trong từng nước, tùy theo cách thức tổ chức bộ máy nhà nước mà có cách tổ chức quyền công tố khác nhau, cơ quan công tố có tên gọi khác nhau, thông thường là Viện công tố, hay Viện kiểm sát. Ở Việt Nam, giai đoạn từ năm 1945 đến 1959 hoạt động công tố được giao cho Viện công tố, từ năm 1960 đến nay giao cho Viện kiểm sát (Điều 107, Hiến pháp 2013). Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định chủ thể thực hành quyền công tố là Viện kiểm sát “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo Hiến pháp và pháp luật”

Quyền công tố phát sinh khi tội phạm xảy ra. Trong thực tế có những tội phạm tuy có xảy ra nhưng không có hoạt động thực hành quyền công tố, do không phát hiện được người phạm tội. Đó là tình trạng tội phạm ẩn. Cho nên, thước đo hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm chính là sự chênh lệch (khoảng cách) giữa quyền công tố và thực hành quyền công tố. Phát động quyền công tố là trách nhiệm của Viện kiểm sát, bằng việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Tuy nhiên, trong thực tế, ngoài Viện kiểm sát còn có một số cơ quan khác như Cơ quan điều tra, Tòa án cũng được khởi tố vụ án. Vậy thực chất việc khởi tố này có liên quan gì với hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát? Thực tế là

ngoài Viện kiểm sát còn có một số cơ quan khác như Cơ quan điều tra, Tòa án (Hội đồng xét xử) cũng có quyền phát động quyền công tố. Điều này được hiểu như thế nào? Phải chăng cơ quan công tố không chỉ có Viện kiểm sát.

Ta nhận thấy rằng, Cơ quan điều tra có quyền ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Tuy nhiên, quá trình tố tụng chỉ có thể tiếp tục tiến hành khi quyết định khởi tố bị can do cơ quan điều tra ban hành cần được Viện kiểm sát phê chuẩn. Quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra có thể bị Viện kiểm sát hủy bỏ nếu không có căn cứ hay trái pháp luật. Cơ quan điều tra không hoàn toàn độc lập khi quyết định khởi tố bị can mà còn phụ thuộc vào phê chuẩn của Viện kiểm sát. Như vậy, chính sự phê chuẩn của Viện kiểm sát mới làm cho quyền công tố thực sự được phát động. Khi chưa có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát thì quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra chưa phát sinh hiệu lực pháp luật, nên quyền công tố chưa được phát động. Có thể xem đây là sự đề xuất phát động quyền công tố từ phía Cơ quan điều tra, và Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét, quyết định. Ngay cả khi kết thúc điều tra, kết luận điều tra cũng chỉ là đề nghị truy tố. Chính Viện kiểm sát, thực hiện quyền công tố bằng cáo trạng truy tố một người ra trước Tòa án, nếu chấp nhận kết luận điều tra.

Cơ quan Tòa án (Hội đồng xét xử), được ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong quá trình xét xử (theo khoản 4 Điều 153, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015). Tuy nhiên, quyết định khởi tố đó cũng phải chuyển cho Viện kiểm sát để kiểm sát, quyết định việc điều tra. Và Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định khởi tố vụ án hình sự của Tòa án lên cơ quan Tòa án cấp trên. Do vậy, quyết định khởi tố vụ án hình sự của Tòa án cũng không hoàn toàn độc lập, vẫn chịu sự kiểm sát của Viện kiểm sát. Hơn nữa cho dù có được khởi tố vụ án, thì Tòa án cũng không có quyền điều tra, truy tố ra Tòa mà phải do Viện kiểm sát chỉ đạo điều tra, yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra và có quyền truy tố hay không truy tố (định chỉ vụ án). Do vậy, quyết định khởi tố vụ án hình sự của Tòa án, cũng không phải là thực hành quyền công tố. Tòa án không phải là cơ quan công tố, không có chức năng thực hành quyền công tố.

Luật Tổ chức Viện kiểm sát năm 2014, về tổ chức nhân sự thì Viện kiểm sát nhân dân các cấp gồm có Viện trưởng, các Phó viện trưởng và kiểm sát viên (Điều 31, khoản 2; Điều 34 khoản 2; Điều 36 khoản 2). Chính những chức danh này đảm nhiệm chức năng thực hành quyền công tố. Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao cũng có chức danh điều tra viên. Tuy nhiên, lực lượng này không thực hiện chức năng công tố mà chủ yếu thực hiện nhiệm vụ điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Viện Kiểm sát. Hoạt động điều tra của điều tra viên cũng phải được kiểm sát bởi các kiểm sát viên, và do kiểm sát viên thực hành quyền công tố cũng như duy trì quyền công tố trước Tòa án sau này, khi vụ án kết thúc và được Viện trưởng truy tố.

Do đó, chủ thể thực hành quyền công tố là Viện kiểm sát. Viện trưởng, các Phó viện trưởng là người tiến hành tố tụng, đại diện cho Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Kiểm sát viên là người đại diện cho Viện kiểm sát trực tiếp thực hiện quyền công tố tại phiên tòa.

1.2.3 Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố với hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự.

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức VKSND năm 2014, trong lĩnh vực tư pháp hình sự, VKS có hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Đây là hai chức năng độc lập, nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong đó, kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi giải quyết nguồn tin về tội phạm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự. Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết nguồn tin về tội phạm và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Trong thực tiễn hoạt động thực hiện chức năng của ngành trong lĩnh vực tư pháp

hình sự, VKS các cấp luôn quán triệt đường lối của công tác kiểm sát là đấu tranh chống tội phạm gắn liền với đấu tranh chống vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật; không để lọt tội phạm đồng thời cũng không được làm oan người vô tội, nên việc thực hiện đồng thời hai hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong quá trình giải quyết các VAHS là mang tính khách quan; do vậy, giữa hai hoạt động này luôn có mối quan hệ với nhau. Mối quan hệ đó được thể hiện ở các phương diện sau:

Thứ nhất, để thực hiện tốt quyền công tố, có nghĩa là bảo đảm việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn; phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác của CQĐT được chính xác, đúng pháp luật, đòi hỏi phải kiểm sát chặt chẽ tính có căn cứ và tính hợp pháp của các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự mà CQĐT quyết định áp dụng, hoạt động kiểm tra này chính là thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trên cơ sở kết quả của hoạt động kiểm sát thấy rằng, quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự có căn cứ và hợp pháp thì VKS sẽ quyết định phê chuẩn để thi hành, ngược lại nếu xét thấy quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế về tố tụng hình sự của CQĐT không có căn cứ và không hợp pháp, VKS sẽ quyết định không phê chuẩn hoặc quyết định huỷ bỏ quyết định tố tụng trái pháp luật của CQĐT, đồng thời yêu cầu CQĐT chấm dứt ngay các hoạt động tố tụng.

Thứ hai, với việc thực hiện công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp sẽ làm tiền đề cho hoạt động THQCT được thực hiện một cách chính xác, nếu có sai sót, vi phạm trong việc thực hiện kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra sẽ kéo theo sự vi phạm pháp luật của hoạt động THQCT. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra khi hoạt động THQCT của VKS được thực hiện cũng sẽ làm tiền đề phát sinh hoạt động kiểm sát.

Thứ ba, khi truy tố bị can ra Toà án để xét xử, tức là VKS đã THQCT, hoạt động đó thể hiện qua việc ban hành Cáo trạng hoặc quyết định truy tố. Quyết định truy tố của VKS phải bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp, điều đó có nghĩa là

VKS trong giai đoạn truy tố cũng phải đặt trong sự tuân thủ pháp luật. Muốn bảo đảm quyết định truy tố có căn cứ phải dựa trên cơ sở của kết quả hoạt động KSĐT vụ án của VKS, nếu thực hiện tốt hoạt động KSĐT, VKS sẽ nắm được nội dung của vụ án, những tình tiết buộc tội, tình tiết gỡ tội của bị can và những tình tiết liên quan khác của vụ án, đó chính là căn cứ vững chắc cho việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, ngược lại, nếu VKS thực hiện không tốt hoạt động KSĐT có thể dẫn đến việc truy tố oan, sai. Do đó, hoạt động KSĐT là cơ sở vững chắc cho hoạt động THQCT trong giai đoạn truy tố, xét xử và hoạt động THQCT trong giai đoạn truy tố là tiền đề làm phát sinh hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS tại phiên toà xét xử.

Thứ tư, kiểm sát các hoạt động tư pháp và THQCT trong lĩnh vực tư pháp hình sự luôn có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó hữu cơ và biện chứng với nhau, nhiệm vụ của hoạt động này làm tiền đề cho nhiệm vụ của hoạt động kia và ngược lại, kết quả của hoạt động này là cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động kia và ngược lại [22, tr.7]. Mối quan hệ biện chứng giữa hai hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp chỉ song song tồn tại trong phạm vi bắt đầu từ khi giải quyết nguồn tin về tội phạm cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị.

Thứ năm, trong hoạt động điều tra VAHS, THQCT là việc VKS thực hiện các biện pháp pháp luật và trực tiếp quyết định các vấn đề về tố tụng trong hoạt động điều tra nhằm mục đích chứng minh tội phạm và người phạm tội cũng như hành vi phạm tội của họ, kết thúc giai đoạn này hoặc là truy tố người phạm tội ra trước Toà án hoặc là đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật. Kiểm sát điều tra là việc VKS thực hiện các biện pháp kiểm sát, mục đích nhằm bảo đảm các hoạt động điều tra được tiến hành một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung của pháp luật quy định, không trực tiếp ra quyết định, chỉ ra kiến nghị khi có vi phạm pháp luật tố tụng xảy ra hoặc kiến nghị yêu cầu khắc phục các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm. Hai lĩnh vực này song song tồn tại từ khi giải quyết nguồn tin về tội phạm cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, giữa chúng tuy độc lập về chức năng, nhưng có tác động qua lại lẫn nhau. Nếu làm

tốt nhiệm vụ THQCT sẽ hỗ trợ đắc lực cho hoạt động kiểm sát thực hiện vai trò của mình, như tạo điều kiện cho hoạt động kiểm sát tiếp cận các biện pháp điều tra, xét xử nhằm duy trì pháp luật, phát hiện, khắc phục vi phạm pháp luật về tố tụng; làm tốt nhiệm vụ kiểm sát sẽ giúp cho công tác THQCT phát huy khả năng quyết định quá trình tố tụng, như bảo đảm việc khởi tố, yêu cầu khởi tố, quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, huỷ các quyết định trái pháp luật của CQĐT một cách có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy, hoạt động THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tuy hai nhưng là một, hai hoạt động này phải được tiến hành song song và hỗ trợ lẫn nhau nhằm không để bất kỳ người nào bị bắt giữ, khởi tố trái pháp luật, không để lọt tội và không làm oan người vô tội, đảm bảo cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội phải đúng pháp luật và có căn cứ, việc điều tra được tiến hành một cách khách quan, toàn diện, chính xác và đúng pháp luật; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra được phát hiện và khắc phục kịp thời.

1.3 Khái quát lịch sử hình thành, phát triển pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thực hành quyền công tố.

1.3.1 Quy định của pháp luật tố tụng hình sự trước Pháp điển về thực hành quyền công tố

Sau cách mạng tháng Tám thành công, trong Sắc lệnh số 7/SL ngày 15/01/1946 đã quy định cụ thể “đứng buộc tội, tùy quyết nghị của Bộ trưởng Bộ tư pháp sẽ là nhân viên của Công tố viện do Chương lý Tòa án thượng thẩm chỉ định”. Ở Tòa thượng thẩm có Công tố viện do Chương lý đứng đầu và các cán bộ làm công tác công tố chuyên trách với các chứng danh như Biện lý, Phó biện lý... họ được quyền làm các nhiệm vụ tư pháp cảnh sát, thực hiện việc buộc tội trước Tòa, thực hiện giám sát công tác điều tra của Tư pháp cảnh sát và “có quyền yêu cầu Tòa án thi hành mọi phương sách cần thiết để làm rõ sự thật”[10, tr.35]. Đến năm 1958, Viện công trung ương được thành lập, bộ máy công tố tách khỏi hệ thống tòa án và trực thuộc hính phủ (không thuộc sự quản lý của Bộ tư pháp). Trong Thông tư 556/Ttg ngày 24 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng chính phủ quy định mối quan

hệ và nhiệm vụ của Công an, Tòa án và Viện công tố. Theo thông tư này, cũng như Tòa án, Viện công tố trực thuộc cơ quan hành pháp (Chính phủ), có thẩm quyền điều tra, truy tố và giám sát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật của Nhà nước, truy tố theo pháp luật hình sự những kẻ phạm pháp để bảo vệ pháp chế dân chủ nhân dân, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản của công, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân.

Bản thân sự ra đời của Viện công tố ở nước ta năm 1958 cho thấy một bước tiến quan trọng của nền tư pháp cách mạng. Với chức năng, nhiệm vụ của Viện công tố năm 1958 cũng có rất nhiều điểm tương đồng với Viện công tố một số nước hiện nay. Nghiên cứu lịch sử Viện công tố ở nước ta vào trước năm 1960 cho thấy cơ quan Công tố không chỉ thực hành quyền công tố mà còn giám sát các hoạt động tư pháp; cơ quan Công tố không chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ trên lĩnh vực hình sự mà còn cả lĩnh vực dân sự, thi hành án, giam giữ, cải tạo; có vai trò quan trọng trong quá trình điều tra vụ án hình sự mà khi cần thiết còn trực tiếp tiến hành điều tra hoặc một số hoạt động điều tra.

1.3.2 Quy định của pháp luật tố tụng hình sự sau Pháp điển về thực hành quyền công tố.

Pháp luật Tố tụng hình sự nước ta đã trải qua ba lần pháp điển hóa, lần thứ nhất: với Bộ luật tố tụng hình sự 1988, lần thứ hai: với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và lần thứ ba là bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Trong đó, Bộ luật TTHS năm 1988 là Bộ luật đầu tiên pháp điển hóa các quy định của pháp luật trước đó về chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân.

Trên cơ sở Hiến pháp 1992 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992 thì “Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố theo quy định của Hiến pháp và pháp luật”. Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức theo hệ thống ngành dọc độc lập với cơ quan hành chính và Tòa án, gồm có: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh các viện kiểm sát quân sự.

Thực hiện cải cách tư pháp theo nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị. Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 2002 được ban hành, thay thế cho luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 1992. Theo đó, mô hình Viện kiểm sát nhân dân cơ bản vẫn giữ nguyên hệ thống ngành dọc như trước đây. Tuy nhiên, chức năng có sự thay đổi, theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2002 thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp (kiểm sát hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án) mà không thực hiện kiểm sát chung như trước đây. Có thể nói đây là bước tiến quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp nhằm xác định rõ hơn chức năng chính, cơ bản của Viện kiểm sát nhân dân là Thực hành quyền Công tố.

Khái quát quy định của BL TTHS 1988 về thực hành quyền công tố

Để đảm bảo việc thực hiện quyền công tố được thống nhất, Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật quy định các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố mà cơ quan có thẩm quyền được áp dụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cơ quan được giao thẩm quyền truy tố đưa vụ án ra toà để xét xử và thực hiện việc buộc tội đó gọi là cơ quan thực hành quyền công tố. Khung pháp lý cơ bản để thực hiện quyền công tố của cơ quan kiểm sát nhân dân là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988. Tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 quy định: “Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, bảo đảm việc điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ. Viện kiểm sát phải kịp thời phát hiện những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra và đề ra biện pháp khắc phục”. Theo đó, trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án hình sự Viện kiểm sát căn cứ theo quy định của pháp luật để ban hành các quyết định thể hiện tính quyền lực của nhà nước như: Quyết định phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; Quyết định trả tự do; Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; Quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam (bắt bị can tạm giam); Quyết định truy tố (Cáo trạng); Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn; Quyết định kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.... nhằm mục đích truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử theo quy định của pháp luật.

Sự ra đời của BLTTHS 1988 đánh dấu bước phát triển của khoa học luật tố tụng hình sự, của ngành luật tố tụng hình sự và kỹ thuật lập pháp tố tụng hình sự ở nước ta. Nhìn lại hệ thống văn bản pháp luật tố tụng của Nhà nước ta giai đoạn trước 1988 chúng ta thấy rằng các văn bản có tính pháp lý cao như luật, pháp lệnh về cơ bản chỉ được sử dụng quy định tổ chức bộ máy của các cơ quan tiến hành tố tụng còn trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết vụ án hình sự lại được ghi nhận trong các văn bản dưới luật là chính. Điều này đã là nguyên nhân dẫn tới tình trạng không thống nhất trong thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Đến lượt nó, sự không thống nhất trong việc áp dụng các thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử rất dễ dẫn tới những sai lầm lớn như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, xâm phạm tới các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

BLTTHS 1988 đã có bước phát triển tiến bộ, khẳng định rõ hai chức năng của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Để tạo điều kiện cho Viện kiểm sát nhân dân chủ động thực hành quyền công tố ngay từ đầu, Luật mới đã quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong việc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và thực hiện việc thống kê tội phạm. Công tác thực hành quyền công tố trong các giai đoạn điều tra, xét xử đã được phân định rạch ròi và đầy đủ, chi tiết hơn.

Khái quát quy định của BL TTHS 2003 về thực hành quyền công tố

Bộ luật TTHS năm 2003 được xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung hợp lý, tích cực của BLTTHS năm 1988. So với BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 có những thay đổi cơ bản mang tính tương đối toàn diện thể hiện sự phát triển mới của Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Bộ luật TTHS đã quy định tương đối cụ thể về hoạt động THQCT, đã tạo cơ sở cho hoạt động THQCT được tiến hành một cách chặt chẽ, khách quan và đạt hiệu quả có nhiều tiến bộ hơn so với BLTTHS năm 1988.

Bộ luật TTHS 2003 đã quy định cụ thể chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong từng giai đoạn tố tụng. Theo Khoản 1 Điều 23 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “*Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong tố*

tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Tòa án”. Theo đó, trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án hình sự Viện kiểm sát căn cứ theo quy định của pháp luật để ban hành các quyết định thể hiện tính quyền lực của nhà nước như: Quyết định phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; Quyết định trả tự do; Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; Quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam (bắt bị can tạm giam); Quyết định truy tố (Cáo trạng); Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn; Quyết định kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm; Kiến nghị.... nhằm mục đích truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử theo quy định của pháp luật[7, tr.56].

Trên cơ sở đó, Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân: Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra; Đề ra yêu cầu điều tra; Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam; Tham gia phiên tòa; đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án; hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, của những người tham gia tố tụng và kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án; Kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án... nhằm xử lý tội phạm kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bộ luật Tố tụng hình sự mới ban hành cũng mở rộng quyền công tố của kiểm sát viên khi tiếp nhận được tố giác; tin báo tội phạm; kiến nghị khởi tố. Điều 159 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát phải lập biên bản và ghi vào sổ tiếp nhận; có thể ghi âm, ghi hình việc tiếp nhận. Trường hợp tố giác, tin báo về tội

phạm, kiến nghị khởi tố được gửi qua bưu điện, qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận.

Khái quát quy định của BL TTHS 2015 về thực hành quyền công tố.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có rất nhiều điểm mới, sửa đổi, bổ sung một cách căn bản và toàn diện so với BLTTHS năm 2003 về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát. Trong đó, một điểm mới quan trọng là BLTTHS năm 2015 đã phân định mạch lạc, chính xác các giai đoạn tố tụng; quy định đầy đủ, cụ thể trình tự, thủ tục các hoạt động tố tụng trong mỗi giai đoạn. Đối với hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân, BLTTHS năm 2003, chỉ quy định chung về chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật quy định tại Điều 23. Theo đó, tại khoản 1 của Điều này quy định “Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Tòa án”. Điều này dẫn đến vướng mắc trong việc giải quyết các vụ án trong công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong từng giai đoạn tố tụng. Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã quy định cụ thể và tách bạch chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong từng giai đoạn tố tụng, từ khi tiếp nhận giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát gắn trách nhiệm của mình vào quá trình điều tra vụ án. Viện kiểm sát không còn là người ngoài cuộc, chỉ đưa ra yêu cầu, kiến nghị.v.v. như khi tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật, mà trực tiếp đi sâu vào hoạt động điều tra, thực hiện các hành vi và đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến cục diện điều tra. Có nghĩa là Viện kiểm sát đang tiến dần đến việc giữ vai trò của cơ quan công tố: không chỉ chịu trách nhiệm về truy tố, mà còn là về khởi tố, điều tra vụ án hình sự.

BLTTHS năm 2003 không quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố và kiểm sát trong giai đoạn truy tố, nên trong thực tế đã gặp phải những khó khăn, vướng mắc hoặc lúng túng khi Viện kiểm sát áp dụng các quy định pháp luật cụ thể làm căn cứ pháp lý để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo luật định. Khắc phục tình trạng này, BLTTHS năm 2015

đã có sự đổi mới rất lớn, quy định rõ hơn không chỉ về nhiệm vụ, quyền hạn trong từng lĩnh vực công tác của ngành Kiểm sát, mà còn cả trong từng giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi THQCT trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự quy định tại các Điều 236 BLTTHS năm 2015). Cụ thể, trong giai đoạn này nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố là: Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra. Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra. Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để yêu cầu điều tra bổ sung. Quyết định tách, nhập vụ án; chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Quyết định truy tố. Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để quyết định việc truy tố theo quy định của BLTTHS (Điều 236).

Kết luận chương 1

Trong chương 1, luận văn đã nghiên cứu một số nội dung sau:

Nhận thức về nhóm tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác, dấu hiệu pháp lý của tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác, dưới góc độ khoa học luật hình sự, các tội xâm phạm sức khỏe của con người là những hành vi (hành động hoặc không hành động) nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải là người đạt tới độ

tuổi nhất định thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận, bảo vệ. Ngoài ra, trong phạm vi chương 1 nghiên cứu sâu những vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố, thực hành quyền công tố đối với các tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác;

Luận văn đã khái quát cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thực hành quyền công tố. Ngay sau khi giành được độc lập năm 1945, cơ quan công tố đã sớm hình thành và ngày càng được củng cố, phát triển. Trải qua nhiều tên gọi khác nhau như Viện công tố, Viện kiểm sát, nhưng chính là cơ quan duy nhất đảm bảo chức năng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát được giao những quyền năng pháp lý quan trọng, quyết định việc khởi tố, truy tố... Trong giai đoạn xét xử, Viện kiểm sát đại diện Nhà nước buộc tội bị cáo tại phiên tòa, yêu cầu xử lý nghiêm minh người phạm tội theo quy định của tố tụng hình sự.

Những nội dung đã nghiên cứu ở Chương 1 sẽ là cơ sở lý luận khoa học để luận văn tiến hành nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự về thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác từ thực tiễn tỉnh Bình Phước ở chương 2.

Chương 2

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

2.1 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng.

Giải quyết nguồn tin về tội phạm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đây là hoạt động mở đầu của quá trình giải quyết vụ án hình sự nhằm phát hiện hành vi phạm tội. Trách nhiệm của Viện kiểm sát trong công tác này là thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, bảo đảm việc giải quyết của Cơ quan điều tra đúng pháp luật, đầy đủ; bảo đảm mọi tội phạm đều được phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý. Điều 145, 146, 147, 148, 150, 159 BLTTHS năm 2015 quy định rõ nội dung của THQCT trong giai đoạn này, cụ thể:

Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác:

Theo quy định tại Điều 81, Điều 87 BLTTHS năm 2003, VKS có quyền quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ nhằm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, bảo đảm người bị tình nghi không bỏ trốn, cản trở quá trình xác minh tin báo hoặc tiêu hủy chứng cứ. Ngoài ra cần lưu ý là tại Điều 110, Điều 118 BLTTHS năm 2015, biện pháp bắt khẩn cấp đã được thay thế bằng biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Quy định này nhằm phù hợp với Điều 20 Hiến pháp 2013 "*Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của VKS nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang*"[17]. Theo quy định tại khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015, trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai và ra

quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn trong thời hạn 12 giờ.

Hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố:

Theo quy định tại Điều 86 BLTTHS năm 2003, trong quá trình thực hiện chức năng THQCT, khi xét thấy quyết định tạm giữ không có căn cứ hoặc trái pháp luật, VKS có quyền hủy bỏ quyết định tạm giữ và quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Quyền năng này được giữ nguyên tại Điều 117 BLTTHS năm 2015; Điều 12, Điều 22 Luật tổ chức VKS nhân dân năm 2014. Đây là quyền năng quan trọng của VKS nhằm bảo vệ quyền công dân, quyền con người theo Hiến pháp 2013. Ngoài ra BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm một số quyền năng thuộc chức năng THQCT của VKS trong giai đoạn này như: Đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện; Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp quyết định tạm đình chỉ giải quyết tin báo không có căn cứ; Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà VKS nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục. Thực hiện tốt những quy định này ngay từ đầu sẽ góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu oan, sai và chống bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự.

Trong hoạt động tố tụng hình sự, vấn đề áp dụng biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, áp dụng các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân là một việc cần thiết. Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp trên ảnh hưởng trực tiếp các quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp ghi nhận như: *quyền bất khả xâm phạm, quyền tự do đi lại và cư trú...* Do đó, việc áp dụng các biện pháp này đòi hỏi phải chặt chẽ, cân nhắc, hạn chế sự lạm quyền từ

phía các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, luật quy định cho Viện kiểm sát được thẩm quyền quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn một số quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra, hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật.

Trong thời gian qua, thực hiện quyền công tố của mình trong việc phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã kiểm sát chặt chẽ bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ để xét phê chuẩn nhằm bảo đảm vừa đúng pháp luật, vừa bảo vệ tốt quyền tự do của công dân. Trong 5 năm (từ 2013 đến 2017), chỉ tính biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác, Viện kiểm sát các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã phê chuẩn áp dụng đối với 329 người, trung bình 66 người mỗi năm; chủ yếu là do Cơ quan điều tra đề nghị. Tuy nhiên, Viện kiểm sát các cấp trên địa bàn cũng từ chối phê chuẩn, hủy bỏ những biện pháp ngăn chặn mà Cơ quan điều tra đề nghị không có cơ sở hay không cần thiết. Tính trong 5 năm, tổng số trường hợp Viện kiểm sát từ chối phê chuẩn bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước là 06 trường hợp, không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của cơ quan điều tra là 16 trường hợp, (bảng 2.1 - phần phụ lục).

Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn này là số người bị bắt, tạm giữ đúng pháp luật và cần thiết chiếm tỷ lệ rất cao. Hạn chế thấp nhất việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, lạm dụng bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tuy nhiên, vẫn còn 75 trường hợp bắt, sau đó không xử lý hình sự mà giải quyết bằng các biện pháp khác như hành chính (bảng 2.1-phần phụ lục). Đặc trưng của nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác là phải có kết luận giám định tỷ lệ thương tật để làm căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại theo khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139 của Bộ luật hình sự 2015 thì phải có đơn yêu cầu khởi tố vụ án của bị hại. Vì vậy, sau khi bắt

người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, gia hạn thời hạn tạm giữ tối đa là 9 ngày. Trong thời hạn tạm giữ 9 ngày, không đủ căn cứ để khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì bắt buộc Cơ quan điều tra đề nghị hoặc Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định gia hạn tạm giữ, chờ kết quả giám định, đơn yêu cầu khởi tố hình sự của người bị hại. Điều này cho thấy cũng còn có trường hợp bắt chưa thật cần thiết, chưa thích hợp, cần phải được khắc phục dần về sau.

BLTTHS quy định thời hạn để Viện kiểm sát xem xét quyết định phê chuẩn, hoặc không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp là 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị phê chuẩn, thực tế đối với các vụ án Cố ý gây thương tích có nhiều người đồng phạm tham gia, phạm tội có băng nhóm thì trong thời hạn 12 giờ, Viện kiểm sát không đủ thời gian để nghiên cứu, đánh giá đủ căn cứ cũng như trực tiếp gặp, hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp để xét phê chuẩn, dẫn đến vi phạm thời hạn phê chuẩn hoặc phê chuẩn quyết định, lệnh của cơ quan điều tra không có căn cứ, trái quy định pháp luật.

Pháp luật thực định cũng chưa quy định cho Viện kiểm sát quyền và trách nhiệm kiểm sát việc thụ lý, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra; cũng như chưa quy định cho Viện kiểm sát những thẩm quyền trực tiếp điều tra, xác minh một cách độc lập nguồn tin về tội phạm mà Viện kiểm sát xét thấy cần thiết.

2.2 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng.

2.2.1 Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong việc quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của cơ quan điều tra, áp dụng biện pháp ngăn chặn, hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật.

Quyền ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can.

Theo quy định tại Điều 104 BLTTHS năm 2003, VKS có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án trong những trường hợp: a) VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra; b) Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án. Ngoài ra Khoản 1 Điều 14 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 153, 154 BLTTHS năm 2015 đã có một số thay đổi quan trọng, bổ sung thêm các trường hợp VKS quyết định khởi tố vụ án. Theo đó, ngoài 02 trường hợp nêu trên, VKS trực tiếp quyết định khởi tố vụ án trong các trường hợp: VKS trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; VKS trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm.

Thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự:

Theo quy định tại Điều 156 BLTTHS năm 2003, khi xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội đã xảy ra hoặc còn có hành vi phạm tội khác, VKS ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án. Đây cũng là một trong những quyền năng thuộc phạm vi QCT của VKS, nhằm bảo đảm việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và phù hợp với tình tiết khách quan trong vụ án.

Hủy quyết định khởi tố vụ án hình sự:

Quyền hủy quyết định khởi tố vụ án hình sự của VKS được quy định tại Điều 109 BLTTHS năm 2003 và cơ bản được giữ nguyên tại điểm b, c khoản 1 Điều 161 BLTTHS năm 2015. Theo đó, khi THQCT trong việc khởi tố vụ án hình sự, VKS có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố không có căn cứ và trái pháp luật. Đây là hoạt động pháp lý thuộc chức năng THQCT của VKS nhằm hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật.

Phê chuẩn, hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc trực tiếp ra các quyết định trên:

THQCT của VKS đối với hoạt động khởi tố bị can được quy định tại Điều 126 BLTTHS năm 2003, Khi đã xác định chính xác quyết định khởi tố là có căn cứ thì VKS ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và chuyển cho CQĐT để tiến hành việc điều tra. Đặc biệt, theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ đề nghị phê chuẩn khởi tố bị can, VKS có quyền yêu cầu bổ sung chứng cứ. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ,

tài liệu bổ sung, VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Trường hợp xác định quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật thì theo quy định tại khoản 3 Điều 179 BLTTHS năm 2015, VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can.

Cũng theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015, trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi phát hiện có người thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố thì VKS yêu cầu khởi tố bị can. Nếu đã có yêu cầu mà CQĐT không thực hiện thì VKS căn cứ khoản 4 Điều 179 BLTTHS trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can, không phải chờ đến khi kết thúc điều tra mới tiến hành khởi tố và trả hồ sơ cho CQĐT như BLTTHS 2003.

Về việc yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can: Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi có căn cứ xác định hành vi của bị can không đúng với tội danh đã khởi tố hoặc bị can còn có hành vi phạm tội khác thì VKS yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra.

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án xâm phạm sức khỏe người khác, tùy từng trường hợp mà Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tự mình khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, trừ trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì việc khởi tố vụ án hình sự do Cơ quan điều tra thực hiện là chủ yếu. Viện kiểm sát chỉ trực tiếp khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra và trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án. Đối với việc khởi tố bị can do Cơ quan điều tra thực hiện và Viện kiểm sát có trách nhiệm phê chuẩn việc khởi tố. Đối với trường hợp VKS phát hiện có người thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố thì VKS yêu cầu khởi tố bị can. Nếu đã có yêu cầu mà CQĐT không thực hiện thì VKS căn

cứ khoản 4 Điều 179 BLTTHS trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can. Đây cũng là biểu hiện về quyền công tố của Viện kiểm sát ngay giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự và là cơ chế pháp lý bảo đảm quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

Theo số liệu thống kê trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước chưa trực tiếp khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác mà chỉ yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố 04 vụ án Cố ý gây thương tích, 07 bị can (bảng 2.2- phần phục lục) và yêu cầu cơ quan điều tra thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can từ tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 BLHS sang tội Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 135 BLHS đối với 02 vụ, 02 bị can (bảng 2.3- phần phục lục). Với kết quả trên cho thấy, thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự được Viện kiểm sát quan tâm và thực hiện nên ở mức độ nhất định cũng đã hạn chế được việc bỏ lọt một số tội phạm. Trong thời gian 05 năm, trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử không trực tiếp khởi tố vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác. Điều này cho thấy một phần do chất lượng khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra được thực hiện khá tốt, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, Viện kiểm sát chủ yếu yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

Ngoài ra, thực hiện thẩm quyền công tố trong việc khởi tố bị can, Viện kiểm sát còn ra quyết định không phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác. Thống kê 5 năm gần đây, Viện kiểm sát không phê chuẩn tổng số 9 quyết định khởi tố bị can do Cơ quan điều tra đề nghị phê chuẩn; tính trung bình hàng năm Viện kiểm sát không phê chuẩn 3 quyết định khởi tố bị can (bảng 2.1- phần phụ lục). Qua đó, bằng chức năng thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát đã phát hiện, khắc phục kịp thời nguy cơ oan, sai cho nhiều người bị khởi tố mỗi năm, khôi phục kịp thời quyền lợi hợp pháp của công dân có nguy cơ bị xâm hại.

Bên cạnh đó, hoạt động THQCT đối với quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự về các tội xâm phạm sức khỏe của người khác của VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước bộc lộ một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc như sau: Theo quy định pháp luật thì VKS quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố và công văn đề nghị phê chuẩn cùng tài liệu liên quan. Trong khi đó, để xác định hành vi của một người cụ thể đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay chưa trong giai đoạn khởi tố bị can hoàn toàn không đơn giản. Vì trong giai đoạn ban đầu, các chứng cứ chứng minh chưa được thu thập và thể hiện một cách toàn diện, đặc biệt đối với các vụ án Cố ý gây thương tích có nhiều đồng phạm tham gia việc đánh giá chứng cứ trong nhiều trường hợp rất phức tạp.

Quá trình điều tra ban đầu nhiều trường hợp Cơ quan điều tra chỉ thu thập chứng cứ chứng minh người đã thực hiện hành vi phạm tội, chưa thu thập đủ chứng cứ chứng minh xác định tình tiết định khung tăng nặng như: phạm tội có tính chất côn đồ, tái phạm nguy hiểm... hay không. Trong khi đó theo quy định tại khoản 2 Điều 179 BLTTHS thì trong quyết định khởi tố bị can phải ghi rõ bị can bị khởi tố về tội gì, theo điều khoản nào của BLHS, điều này đã gây khó khăn cho quá trình áp dụng. Trên thực tế, một số trường hợp khi quyết định khởi tố bị can Cơ quan điều tra chỉ ghi: khởi tố về tội Cố ý gây thương tích theo Điều 134 BLHS, không xác định khoản mấy của điều luật. Về pháp lý, quyết định nêu trên là vi phạm vào khoản 2 Điều 179 BLTTHS nhưng VKS cũng không có căn cứ từ chối phê chuẩn hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ xác định tình tiết định khung tăng nặng, vì quá trình điều tra ban đầu không thể xác định đầy đủ tính chất của hành vi phạm tội, trong khi thời gian xét phê chuẩn chỉ có 03 ngày.

Quyền năng công tố trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn; quyền quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của cơ quan điều tra, hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật.

Trong hoạt động tố tụng hình sự, vấn đề áp dụng các biện pháp ngăn chặn là một việc cần thiết để bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình

sự được thuận lợi, hoạt động chứng minh vụ án đạt kết quả tốt, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Mặt khác, biện pháp ngăn chặn cũng góp phần bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ, tôn trọng các quyền cơ bản của công dân. Theo giáo trình Luật Tố tụng hình sự, biện pháp ngăn chặn được hiểu như sau: *“Biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự và được áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người chưa bị khởi tố hình sự nhằm kịp thời ngăn chặn những hành vi nguy hiểm đối với xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, hoặc có những hành động gây khó khăn, cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự”*[21, tr.170].

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS 2015 gồm có các biện pháp: giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110 BLTTHS), bắt người (Điều 110,111,112,113, 503 BLTTHS), tạm giữ (Điều 117 BLTTHS), tạm giam (Điều 119 BLTTHS), bảo lãnh (Điều 121 BLTTHS), đặt tiền để bảo đảm (Điều 122 BLTTHS), cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123 BLTTHS), tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124 BLTTHS). Trong các biện pháp ngăn nêu trên thì Viện kiểm sát được quyền áp dụng trực tiếp đối với các biện pháp, trừ biện pháp tạm giữ. Tuy nhiên, đối với biện pháp tạm giữ, nếu Cơ quan điều tra có gia hạn tạm giữ thì phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước. Ngoài trực tiếp áp dụng, Viện kiểm sát còn được giao thẩm quyền xét phê chuẩn lệnh, quyết định áp dụng một số biện pháp ngăn chặn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra như: bắt người để tạm giam (Điều 80 BLTTHS), bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110 BLTTHS-phê chuẩn sau khi bắt), tạm giam (Điều 119 BLTTHS), đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm (Điều 122 BLTTHS). Tại Khoản 2, Điều 125 BLTTHS còn quy định *“Đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn thì việc hủy bỏ hoặc thay thế phải do Viện kiểm sát quyết định”*.

Qua các điều luật trên cho thấy, Viện kiểm sát cũng được luật quy định có quyền công tố trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bằng việc trực tiếp ra quyết định áp dụng hay phê chuẩn có quyết định áp dụng, hủy bỏ, hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra. Trong thời gian qua, thực hiện quyền công tố

của mình trong việc áp dụng các biện pháp các biện pháp ngăn chặn đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã chủ động quyết định về áp dụng hoặc thay đổi các biện pháp bắt, tạm giam; nhằm bảo đảm vừa đúng pháp luật, vừa bảo vệ tốt quyền tự do của công dân.

Trong 5 năm (từ 2013 đến 2017), chỉ tính biện pháp bắt bị can tạm giam để điều tra, Viện kiểm sát đã quyết định (hoặc phê chuẩn) áp dụng đối với 269 người, trung bình 53 người mỗi năm; chủ yếu là do Cơ quan điều tra đề nghị. Tuy nhiên, hoạt động thực tiễn trên địa bàn tỉnh Bình Phước thì các tội xâm phạm sức khỏe của người khác đa số là loại tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, số lượng tội rất nghiêm trọng không nhiều nhưng tính chất phức tạp, có đông người tham gia. Viện kiểm sát cũng từ chối phê chuẩn, hủy bỏ những biện pháp ngăn chặn tạm giam bị can mà Cơ quan điều tra đề nghị không có cơ sở hay không cần thiết. Vì vậy, biện pháp ngăn chặn thường được áp dụng là biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp tạm giam thường được áp dụng với bị can phạm tội rất nghiêm trọng. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2017, Viện kiểm sát đã từ chối phê chuẩn biện pháp tạm giam, bắt tạm giam là 62 trường hợp (bảng 2.1-phần phụ lục).

Nhìn chung, Viện kiểm sát hai cấp đã nâng cao trách nhiệm và có nhiều tiến bộ trong hoạt động thực hành quyền công tố đối với việc áp dụng, thay thế hoặc hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giam. Các hoạt động này được thực hiện thận trọng và chính xác hơn. Vì vậy, đã giảm đáng kể các trường hợp bắt giữ người theo thủ tục TTHS, nhưng sau đó trả tự do xử lý hành chính.

2.2.2 Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong việc đề ra yêu cầu điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra.

Quyền đề ra yêu cầu điều tra:

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sức khỏe người khác là đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra được quy định tại khoản 6 Điều 165 BLTTHS. Để bảo đảm hoạt động điều tra có kết quả thì

Viện kiểm sát với vai trò là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố phải đề ra yêu cầu điều tra ngay từ khi có quyết định khởi tố vụ án và trong từng giai đoạn của quá trình điều tra, Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra phải bám sát việc điều tra vụ án của Cơ quan điều tra để kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra một cách cụ thể, toàn diện nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc đề ra yêu cầu điều tra có thể được thực hiện ngay từ khi kiểm sát khám nghiệm hiện trường, ngay sau khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra. Yêu cầu điều tra có thể bằng lời nói hoặc bằng văn bản.[21, tr.135]

Bên cạnh việc đề ra yêu cầu điều tra, theo quy định tại Điều 131, 135, 137, 138 BLTTHS năm 2003; Điều 183, 186, 188, 189 BLTTHS năm 2015, trong một số trường hợp cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự như: Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; tiến hành đối chất; thực nghiệm điều tra... để củng cố chứng cứ và các tình tiết khác nhằm đánh giá một cách khách quan, toàn diện vụ án. Để bảo đảm việc giải quyết vụ án được khách quan, chính xác, bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng.

Trong thực tiễn, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã thường xuyên thực hiện việc đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra. Nhất là trong tiến trình cải cách tư pháp, với chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra thì việc đề ra yêu cầu điều tra càng được Viện kiểm sát phát huy. Kiểm sát viên được phân công thụ lý vụ án đã chủ động đề ra yêu cầu điều tra từ khi mới khởi tố vụ án, khởi tố bị can để giúp định hướng hoạt động điều tra sát với yêu cầu công tố, buộc tội sau này. Vì đây là một hoạt động thường xuyên nên không có con số thống kê cụ thể, nhưng có thể thấy được ngày nay, hầu như vụ án nào cũng được Viện kiểm sát đề ra yêu cầu điều tra. Tuy nhiên, còn hạn chế là tình trạng điều tra một số ít vụ án vẫn còn chưa đảm bảo chất lượng truy tố, dẫn đến việc Viện kiểm sát phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung, sau khi vụ án đã kết thúc điều tra.

Trong 5 năm gần đây, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước quyết định trả 21 hồ sơ vụ án Cố ý gây thương tích đã kết thúc hồ sơ cho Cơ quan điều tra các cấp điều tra bổ sung. Tính trung bình mỗi năm trả 04 vụ, chiếm tỷ lệ 2.8% tổng số vụ án mà Cơ quan điều tra kết thúc chuyển sang Viện kiểm sát đề nghị truy tố (bảng 2.4- phần phụ lục). Nguyên nhân có thể là do Viện kiểm sát chưa đề ra yêu cầu điều tra đầy đủ, chính xác ngay từ đầu để định hướng hoạt động điều tra, hoặc một số bản yêu cầu điều tra của KSV còn mang tính chung chung, hình thức; có những nội dung không cần thiết như: yêu cầu xác minh lý lịch bị can, giải quyết trách nhiệm dân sự... Trong khi những vấn đề quan trọng khác nhằm chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm thì chưa được chú trọng, cũng có thể do quan điểm điều tra giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra chưa thống nhất, nên chưa có sự phối hợp tốt trong quá trình điều tra.

Quyền trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra:

Tuy có thẩm quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra nhưng cũng có những trường hợp Cơ quan điều tra chưa đáp ứng những yêu cầu cần thiết để bảo đảm cho việc truy tố bị can ra trước Tòa án hoặc hoạt động điều tra có tính chất đơn giản, Viện kiểm sát có thể trực tiếp làm được thì Viện kiểm sát có quyền *trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra* theo quy định tại Khoản 7 Điều 165 BLTTHS “Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố”. Với quy định như trên đã khắc phục nhưng điểm hạn chế của khoản 2 Điều 112 BLTTHS 2003 là chỉ quy định Viện kiểm sát chỉ thực hiện một số hoạt động điều tra mang tính chất bổ khuyết cho kết quả điều tra của Cơ quan điều tra, chứ không có thẩm quyền trực tiếp điều tra trong một số trường hợp cần thiết. Điều này trong thực tế nếu gặp những trường hợp Cơ quan điều tra không thực hiện hoặc thực hiện

không đúng yêu cầu của Viện kiểm sát, có vi phạm nghiêm trọng trong quá trình điều tra vụ án có thể làm sai lệch hồ sơ vụ án... thì Viện kiểm sẽ rất khó khăn trong quá trình thực hành quyền công tố sau này. Mặt khác, khi vụ án chưa kết thúc điều tra, Kiểm sát viên thực hiện một số hoạt động điều tra thì phải thông báo trước cho cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm tiến hành. Do chỉ có quy định như vậy, khi kiểm sát viên thông báo nhưng cơ quan điều tra không nhất trí thì phải xử lý như thế nào?. Tuy không xảy ra nhiều nhưng cũng có trường hợp cơ quan điều tra không nhất trí cho VKS tiến hành một số hoạt động điều tra khi vụ án chưa kết thúc điều tra với lý do ngại kiểm sát viên phát hiện tiêu cực, vi phạm trong công tác điều tra, hoặc xác định được điều tra viên không khách quan nên gây khó khăn cho hoạt động điều tra của KSV.

2.3 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong truy tố, xét xử vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng.

2.3.1 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong truy tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng.

Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn khi THQCT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác như sau:

Quyền định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, bị can.

Đình chỉ vụ án là quyết định chấm dứt việc tiến hành tố tụng đối với vụ án hoặc đối với từng bị can khi có những căn cứ do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quyền quyết định đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát cụ thể được quy định Theo quy định tại Điều 248 BLTTHS năm 2015, VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong các căn cứ: Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Tội phạm đã được đại xá; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác; Tội phạm thuộc

trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố; Người thực hiện hành vi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

Viện kiểm sát cũng có quyền ra quyết định đình chỉ vụ án trong các trường hợp quy định tại điều 29 Bộ Luật hình sự. Đó là: Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; Khi có quyết định đại xá; Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa; Người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận; Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự, cho nên có thể được đình chỉ vụ án.

Trong trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật hình sự, Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Trong những trường hợp trên nhưng nếu vụ án có nhiều bị can mà các căn cứ đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can thì Viện kiểm sát chỉ có thể ra quyết định đình chỉ vụ án đối với từng bị can. Ngoài đình chỉ vụ án như nêu trên, tại điều Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự còn quy định Viện kiểm sát được quyền quyết định tạm đình chỉ vụ án. Tạm đình chỉ vụ án là quyết định tạm dừng việc tiến hành tố tụng đối với vụ án hoặc đối với từng bị can khi có những căn cứ do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Những trường hợp mà Viện kiểm sát được quyết định tạm đình chỉ vụ án được quy định cụ thể tại khoản 1

Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự, đó là: khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ vụ án trước khi hết thời hạn quyết định việc truy tố; Khi bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố; trong trường hợp này phải yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can trước khi tạm đình chỉ vụ án. Việc truy nã bị can được thực hiện theo quy định tại Điều 231 của Bộ luật này. Khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác mà hồ sơ đã được chuyển sang Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát có quyền tạm đình chỉ vụ án, tuy nhiên phải bảo đảm là trên cơ sở giám định của Hội đồng giám định pháp y, có kết luận giám định hợp pháp. Khi ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án, Viện kiểm sát còn phải ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị can. Còn khi bị can bỏ trốn, Viện kiểm sát được quyền ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án và phải yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã bị can. Và cũng tương tự như quyền quyết định đình chỉ vụ án, trong trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can, tức là có những bị can không có căn cứ được tạm đình chỉ, thì Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với những bị can có căn cứ được tạm đình chỉ.

Trong thực tế, số lượng vụ án hoặc bị can phạm tội các tội xâm phạm sức khỏe của người khác được Viện kiểm sát các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước quyết định đình chỉ và tạm đình chỉ không nhiều. Trong khoảng thời gian 5 năm gần đây, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh ra quyết định đình chỉ đối với 22 vụ án hình sự, 34 bị can. Đáng lưu ý là tình trạng đình chỉ vì lý do không phạm tội vẫn còn xảy ra 01 vụ đối với 01 bị can vào năm 2013 (bảng 2.4- phần phụ lục). Số lượng nêu trên, cho thấy chất lượng điều tra và thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác chưa đạt yêu cầu. Các vụ án, bị can phạm tội xâm phạm sức khỏe của người khác xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước được đình chỉ do người bị hại rút đơn yêu cầu xử lý hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS. Đối với trường hợp quyết định tạm đình chỉ, tính trong 5 năm (từ 2013-2017) thì Viện kiểm sát đã quyết định đối với 1 bị

can. Đây là những lý do khách quan do bị can được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng sau đó trốn đang truy nã nên không có đủ điều kiện truy tố ra Tòa án được. Viện kiểm sát các cấp đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, yêu cầu cơ quan điều tra truy nã bị can.

Qua quá trình thực hành quyền công tố trong việc quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, nhận thấy là Viện kiểm sát đã thực hiện khá tốt, tuy nhiên trong giai đoạn 2013 đến năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước còn bị can được đình chỉ vì lý do không phạm tội (năm 2013). Đây là những trường hợp có xâm hại đến quyền, lợi ích của công dân, cần phải hạn chế dần. Nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng điều tra vụ án và thực hành quyền công tố chưa bảo đảm trong một số trường hợp này. Vấn đề này cần được Viện kiểm sát nghiên cứu tăng cường, nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra cao hơn nữa.

Trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là biện pháp tố tụng do VKS thực hiện trong giai đoạn truy tố nhằm yêu cầu CQĐT tiếp tục việc điều tra, thu thập chứng cứ hoặc bổ sung thủ tục tố tụng nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đúng pháp luật. Theo quy định tại Điều 168 BLTTHS năm 2003, Điều 245 BLTTHS năm 2015, Thông tư liên tịch số: 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27 tháng 08 năm 2010 VKS nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*", sau khi kết thúc điều tra và nhận hồ sơ vụ án, trong giai đoạn truy tố, VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung khi có một trong các căn cứ: Còn thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của BLTTHS mà VKS không thể tự mình bổ sung được; Có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác; Có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can; Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.[24]

Để hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung, VKS phải thực hiện tốt chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra, kiểm sát điều tra từ đầu, kịp thời đề ra các yêu

cầu điều tra. Tuy nhiên, trong thời gian từ năm 2013-2017, VKS đã trả hồ sơ điều tra bổ sung 21 vụ/692 vụ án Cơ quan điều tra đề nghị truy tố về tội Cố ý gây thương tích và tội Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, chiếm tỷ lệ 3.03% (bảng 2.4- phần phục lục) . Mặc dù, tỷ lệ trả hồ sơ của VKS cao hơn chỉ tiêu của VKSND Tối cao đề ra (dưới 3%), tuy nhiên để giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đúng pháp luật, việc trả hồ sơ điều tra bổ sung như là biện pháp tố tụng là cần thiết, không vì chỉ tiêu, chạy theo thành tích không thực hiện đúng chức năng THQCT ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án.

Quyền truy tố người phạm tội ra trước pháp luật

Quyền truy tố người phạm tội ra trước pháp luật được quy định cho Viện kiểm sát nhân dân tại Điều 236 Bộ luật TTHS, nói về Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố. Đây được xem là một trong những cách thức giải quyết vụ án hình sự của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát tạo cơ sở pháp lý và căn cứ để Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ chức năng xét xử. Quyết định truy tố bị can chính là bản cáo trạng; thông qua bản cáo trạng (hoặc Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn), Viện kiểm sát thể hiện việc truy tố của mình. Bản cáo trạng là văn bản tố tụng hình sự do Viện kiểm sát đưa ra trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra khi có đầy đủ chứng cứ để xác định có tội phạm và bị can. Bản cáo trạng là căn cứ để xác định phạm vi xét xử của Tòa án, là cơ sở để Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định của pháp luật, nếu đủ căn cứ chứng minh, thì Viện kiểm sát thực hiện việc truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng (Điều 243, Bộ luật TTHS). Bản cáo trạng phải bảo đảm được giao cho người bị truy tố và trong thời hạn 03 ngày Viện kiểm sát phải chuyển hồ sơ kèm cáo trạng sang Tòa án để thực hiện việc truy tố.

Trong thời gian qua, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã tăng cường thực hiện thẩm quyền truy tố của mình. Thống kê trong 5 năm gần đây (từ 2013 đến 2017), Viện kiểm sát hai cấp đã truy tố 648 vụ án hình sự với 1247 bị can phạm các tội xâm phạm sức khỏe của người khác. Tính trung bình hàng năm

Viện kiểm sát ban hành cáo trạng truy tố trên 129 vụ án, trên 249 bị can phạm các tội xâm phạm sức khỏe của người khác, chiếm tỷ lệ 94.6% số vụ án kết thúc điều tra mà Viện kiểm sát phải xử lý. Với số lượng vụ án được truy tố hàng năm như viện dẫn trên, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã thực hiện khá tốt quyền công tố của mình trong công tác truy tố, do có sự tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra theo chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, cũng còn một số vụ án Cố ý gây thương tích có chất lượng truy tố của Viện kiểm sát chưa bảo đảm nên bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Nguyên nhân trên, do còn một số địa phương, một số kiểm sát viên chưa tích cực đổi mới, nâng cao năng lực, nghiệp vụ chuyên môn theo đúng tinh thần chủ trương cải cách tư pháp, chưa bảo đảm trách nhiệm chứng minh trong quá trình điều tra vụ án hình sự.

2.3.2 Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong xét xử đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng.

Trong giai đoạn xét xử, Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố một cách toàn diện và sâu sắc hơn. Về căn cứ pháp luật, BLTTHS quy định về quyền hoạt động công tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa trong nhiều điều luật. Đó là các Điều 266, 306, 321 Bộ luật Tố tụng hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa vừa là quyền vừa là trách nhiệm của Viện kiểm sát, luật quy định bắt buộc kiểm sát viên phải có mặt tại phiên tòa. Trong mọi trường hợp, nếu vắng mặt kiểm sát viên thì phiên tòa phải được hoãn lại (Điều 289 Bộ luật TTHS). Tại phiên tòa, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố thông qua hoạt động của kiểm sát viên như: Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn...

Rút quyết định truy tố:

Để bảo đảm tính chủ động trong việc thực hành quyền công tố trước phiên tòa, luật quy định, Viện kiểm sát được quyền rút quyết định truy tố của mình. Trước khi mở phiên tòa, Viện kiểm sát được rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Tòa án

đình chỉ vụ án (theo Điều 181 BLTTHS năm 2003, Điều 285 BLTTHS năm 2015). Ngay tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát cũng có quyền rút lại một phần hay toàn bộ quyết định truy tố của mình (theo Điều 319 Bộ luật TTHS). Trong hai trường hợp này thì hậu quả của việc rút quyết định truy tố của Viện kiểm sát có khác nhau. Nếu rút trước khi mở phiên tòa thì Tòa án đình chỉ vụ án; còn ngay tại phiên tòa khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không có tội; nếu thấy việc rút truy tố không có căn cứ thì quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

Theo quy định tại Điều 195 BLTTHS năm 2003, Điều 319 BLTTHS năm 2015, tại phiên tòa, sau khi xét hỏi nếu có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố; có tình tiết mới theo hướng có lợi cho bị cáo làm thay đổi quyết định truy tố thì KSV quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên tòa KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị.

Công bố cáo trạng về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa.

Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa là hoạt động đầu tiên của việc thực hiện quyền công tố tại phiên tòa. Điều 206 BLTTHS năm 2003, Điều 306 BLTTHS năm 2015 quy định, trước khi tiến hành xét hỏi, KSV đọc bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung làm rõ thêm nội dung cáo trạng nếu có. Bản cáo trạng là văn bản pháp lý, tóm tắt toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội và kết quả điều tra, truy tố bị cáo ra trước Tòa án. Quá trình trình bày ý kiến bổ sung cần lưu ý là Điều 306 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định: "*Ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo*". Đây là việc công khai tội lỗi của bị cáo mà Viện kiểm sát đã truy tố; và cũng là cơ sở để cho Tòa án xem xét việc xét xử vụ án. Việc công bố bản cáo trạng được quy định tại điều 306 Bộ luật Tố tụng hình sự. Kiểm sát viên phải tôn trọng bản cáo trạng đã phát hành trước đó cho Tòa án, bị cáo... bằng cách trình bày nguyên văn, rồi sau đó mới trình bày tiếp những ý kiến bổ sung như giải thích thêm về chứng cứ, đề nghị thay đổi tội danh nhẹ hơn tội danh đã truy tố.

Tham gia xét hỏi tại phiên tòa

Xét hỏi của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoạt động cần thiết, chuẩn bị cho các hoạt động quan trọng tiếp theo của việc thực hành công tố tại phiên tòa. Điều 307 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về trình tự xét hỏi thì Kiểm sát viên được bố trí xét hỏi sau Chủ tọa phiên tòa. Ngoài xét hỏi bị cáo, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa cũng được quyền hỏi người làm chứng, người giám định, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ (Điều 230, 311, 315 Bộ luật TTHS). Theo quy định tại điều 312, 314 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trong quá trình xét hỏi, Kiểm sát viên cũng có quyền yêu cầu Chủ tọa phiên tòa đưa ra những vật chứng, có quyền trình bày những nhận xét của mình về vật chứng; có quyền công bố các tài liệu của vụ án và nhận xét, báo cáo của cơ quan, tổ chức để góp phần chứng minh các tình tiết của vụ án.

Trình bày luận tội tại phiên tòa:

Luận tội của Kiểm sát viên được sắp xếp trình bày sau khi kết thúc phần xét hỏi. Việc trình bày luận tội của Kiểm sát viên được quy định tại điều 321 Bộ luật Tố tụng hình sự. Lời luận tội của kiểm sát viên có tính chất đúc kết lại toàn bộ nội dung, tình tiết của vụ án, phân tích mức độ, tính chất nguy hiểm, hậu quả tác hại hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội, công dân. Luận tội của Kiểm sát viên phải bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không có tội.

Tranh luận, đối đáp với người bào chữa và người tham gia tố tụng khác

Tranh luận là hoạt động rõ nét nhất của việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Luật quy định việc tranh luận của Kiểm sát viên tại điều 322 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tranh luận là phần gay cấn nhất của phiên tòa, là quyền và cũng là nghĩa

vụ của Kiểm sát viên duy trì công tố. Qua tranh luận, Kiểm sát viên góp phần làm cho các tình tiết của vụ án càng sáng tỏ và có nghĩa vụ bảo vệ tính có căn cứ và hợp pháp của cáo trạng. Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.

Sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên cũng có thể thực hiện quyền công tố của mình thông qua việc kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án. Quyền kháng nghị của Viện kiểm sát được quy định tại điều 336 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyền này, bảo đảm cho Viện kiểm sát thực hiện tốt quyền công tố của mình. Có thể nói kháng nghị của Viện kiểm sát không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm của Viện kiểm sát trong nhiệm vụ bảo vệ pháp chế XHCN. Quyền kháng nghị của Viện kiểm sát không lệ thuộc vào quyền kháng cáo của các đương sự. Trong một vụ án có thể vừa có kháng cáo vừa có kháng nghị. Nội dung kháng cáo, kháng nghị là độc lập với nhau, cũng có thể là đối lập với nhau như kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ còn kháng nghị của Viện kiểm sát thì đề nghị tăng nặng hình phạt. Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi, rút một phần hay toàn bộ kháng nghị phúc thẩm của mình bất cứ lúc nào. Tuy nhiên việc bổ sung, thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát phải trên nguyên tắc không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Có một điểm lưu ý thêm là cần phân biệt kháng nghị của Viện kiểm sát trong trường hợp thực hiện quyền công tố và trong khi thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Ngoài thực hành quyền công tố, viện kiểm sát còn có chức năng kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án. Khi thực hiện chức năng này, Viện kiểm sát cũng có thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm. Điểm phân biệt ở đây là căn cứ vào nội dung kháng nghị. Nếu kháng nghị về nội dung của bản án, quyết định có liên quan đến việc định tội danh, áp dụng hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, kết luận về tội phạm là những kháng nghị thuộc chức năng thực hành quyền công tố; còn nội dung kháng nghị về thủ tục tố tụng, mang tính hình thức như thành phần Hội đồng xét xử, liên quan về bị cáo, các chủ thể khác... là kháng nghị thuộc chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong xét xử hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm được quy định tại điều 354 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, khi tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án chứ không phải là luận tội như ở phiên tòa sơ thẩm. Hàng năm, số lượng án hình sự đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác được Tòa án đưa ra xét xử ngày càng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước, nhưng Viện kiểm sát vẫn bảo đảm thực hành quyền công tố có hiệu quả. Trong 5 năm gần đây, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử đối với 648 vụ án hình sự sơ thẩm đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác. Tính trung bình, mỗi năm Viện Kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước phải thực hành quyền công tố tại phiên tòa đối với 129 vụ án hình sự sơ thẩm đối với các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác (bảng 2.4- phần phụ lục). Công tác thực hành quyền công tố đối với các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác được Viện kiểm sát thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, được Tòa án chấp nhận hầu như tất cả các quan điểm truy tố, buộc tội, mặc dù chức năng bào chữa cho các bị cáo được các Luật sư, bị cáo phát huy tối đa. Trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử, việc kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có trường hợp oan sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội cũng được xem trọng. Tuy nhiên, theo thống kê 5 năm gần đây, đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác, Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước không kháng nghị phúc thẩm đối với vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác. Nguyên nhân là do chất lượng điều tra, truy tố và xét xử đối với các vụ án xâm phạm sức khỏe người khác của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án ngày càng được nâng cao, hạn chế thấp nhất các trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Tuy hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong xét xử đối với các tội phạm xâm phạm sức khỏe của người khác đã đạt được những chỉ tiêu của ngành đề ra, nhưng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn này gặp phải một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn như sau: Một số trường hợp việc xây dựng bản dự thảo luận tội của KSV chưa đạt yêu cầu, chuẩn bị sơ sài, bố cục không hợp lý, nhận

định và đề nghị không đầy đủ, thiếu chính xác. Kỹ năng trình bày bản luận tội, tranh luận của một số KSV còn lúng túng, chưa rõ ràng, chưa thật sự thuyết phục. Hoạt động xem xét kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm được chú trọng, tuy nhiên trong thời gian qua VKS cùng cấp không có kháng nghị phúc thẩm bản án xét xử về các tội xâm phạm sức khỏe, trong khi đó số vụ án xét xử sơ thẩm bị cấp phúc thẩm sửa án, hủy án vẫn còn xảy ra. Mặt khác, Điều 307 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về trình tự xét hỏi thì Kiểm sát viên được bố trí xét hỏi sau Chủ tọa phiên tòa là chưa đảm bảo nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, kiểm sát viên không chủ động việc xét hỏi bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, tính độc lập của kiểm sát viên tại phiên tòa bị hạn chế.

Ngoài ra, Tòa án là cơ quan thực hiện chức năng xét xử, xét về lý luận chức năng tố tụng thì Tòa án không nên tự mình thu thập chứng cứ buộc tội hoặc gỡ tội trong quá trình chuẩn bị xét xử. Nếu qua nghiên cứu xét thấy có căn cứ thì Tòa án trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung. Trên thực tế giải quyết vụ án Cố ý gây thương tích, Tòa án tự ra quyết định trưng cầu giám định năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, hoặc giám định lại tỷ lệ thương tích đối với bị hại là chưa phù hợp về lý luận.

2.4 Đánh giá tổng quan thực trạng thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Bắt cập của pháp luật Tố Tụng hình sự về thẩm quyền khởi tố vụ án của Tòa án.

Tại khoản 4 Điều 153 BLHS 2015 quy định “*Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm*” việc khởi tố vụ án hình sự không phải là căn cứ để VKS buộc phải chuyển cho cơ quan điều tra tiến hành điều tra. bởi lẽ, nếu thấy quyết định khởi tố vụ án của Tòa án không có căn cứ thì VKS kháng nghị lên Tòa án cấp trên. Trên thực tế, việc khởi tố vụ án của HĐXX ít khi xảy ra. Trong trường hợp có quyết định khởi tố vụ án hình sự của nhưng VKS không nhất

trí với quan điểm của HĐXX và kháng nghị lên Tòa án cấp trên và Tòa án cấp trên cũng đồng quan điểm với Tòa án cấp dưới thì cũng thiếu cơ chế để thực hiện phán quyết này khi VKS cấp trên cũng không đồng ý với quan điểm khởi tố vụ án đó. Quyết định khởi tố vụ án thực chất là quyết định tố tụng để thực hiện việc buộc tội, chức năng cơ bản của VKS. Chức năng của Tòa án là chức năng xét xử, đứng vai trò “trung lập” và phán quyết trên cơ sở kết quả của hoạt động điều tra và truy tố. Do vậy, việc giao cho Tòa án quyền được khởi tố vụ án sẽ làm sai lệch vai trò “tài phán” của Tòa án. Nếu trong quá trình xét xử phát hiện có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm thì Tòa án có thể bằng văn bản lưu ý với cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này. Hơn nữa, trong phiên tòa hình sự, theo luật định sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát là bắt buộc. Với vai trò là chủ thể thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trách nhiệm của đại diện của Viện kiểm sát phải ghi nhận và giải quyết các trường hợp bỏ lọt tội phạm. Ở đây, vấn đề là cần xây dựng một thiết chế chống lại sự lạm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng và bảo đảm việc xét xử đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Xây dựng một thiết chế giám sát để không bỏ lọt tội phạm không đồng nghĩa với việc quy định quyền cho Tòa án sai với chức năng tố tụng của cơ quan này.

Bất cập của pháp luật Tố Tụng hình sự về giới hạn xét xử của Tòa án.

Theo khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015 quy định “Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó”. Việc Tòa án có quyền xét xử bị cáo tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố là chưa phù hợp với lý luận về chức năng tố tụng. Trong trường hợp VKS cấp huyện truy tố bị can phạm tội Cố ý gây thương tích (dẫn đến chết người) và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, nhưng Tòa án huyện cho rằng bị cáo phạm tội giết người thì giải quyết thế nào, có ra quyết định chuyển vụ án hình sự về tỉnh xét xử hay không, trong trường hợp này VKS cấp nào THQCT, việc xét xử bị cáo ở tội danh nặng hơn nhưng quá trình điều tra, truy

tổ không có người bào chữa có đảm bảo quyền bào chữa bị can, bị cáo. Mặt khác, Cơ quan điều tra không điều tra, thu thập chứng cứ theo tội danh nặng hơn, Viện kiểm sát không truy tố về tội danh nặng hơn thì Tòa án không có cơ sở để xét xử về tội danh đó.

Bắt cập của pháp luật Tố Tụng hình sự về quyền trung cầu giám định của Tòa án.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 252 BLHS 2015, Tòa án tiến hành việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ bằng các hoạt động: “*Trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản ngoài các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định, cần định giá tài sản quy định tại Điều 206 và Điều 215 của Bộ luật này; trung cầu giám định bổ sung, giám định lại; yêu cầu định giá lại tài sản*”. Tòa án là cơ quan thực hiện chức năng xét xử, xét về lý luận chức năng tố tụng thì Tòa án không nên tự mình thu thập chứng cứ buộc tội hoặc gỡ tội trong quá trình chuẩn bị xét xử. Nếu qua nghiên cứu xét thấy có căn cứ thì Tòa án trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung. Trên thực tế giải quyết vụ án Cố ý gây thương tích, Tòa án tự ra quyết định trung cầu giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại hoặc năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp về lý luận.

Bắt cập của pháp luật Tố Tụng hình sự về trình tự xét hỏi tại phiên tòa.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 307 BLTTHS 2015 quy định “*Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi*”, thẩm phán chủ tọa phiên tòa là chủ thể thực hiện việc xét hỏi trước tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa chỉ hỏi sau khi Hội đồng xét xử đã xét hỏi. Trình tự xét hỏi này chưa hợp lý, chưa phát huy khả năng và trách nhiệm công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội thì phải quy định hỏi trước để chứng minh tội phạm và hành vi phạm tội của từng bị cáo thì mới hợp lý.

2.4.2 Những vướng mắc, khó khăn, sai sót trong thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

Từ việc nghiên cứu thực tiễn THQCT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của con người trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 5 năm (2013 - 2017) cho thấy, mặc dù BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cơ bản đã khắc phục những bất cập, thiếu sót của BLHS 1999 về nhóm tội phạm này vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, cụ thể:

Vướng mắc về đánh giá tính có căn cứ của Kết luận giám định tỷ lệ thương tật.

Một số quy định của BLHS hiện hành về nhóm tội xâm phạm sức khỏe có cấu thành tội phạm chưa phù hợp với thực tế, khó chứng minh trên thực tế, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm. Việc quy định tỷ lệ thương tật (%) là dấu hiệu bắt buộc để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, vấn đề giám định thương tích sức khỏe còn nhiều bất cập, phụ thuộc vào năng lực, trình độ, ý thức chủ quan của mỗi Giám định viên có sự đánh giá và kết luận tỷ lệ thương tật khác nhau, thậm chí trái ngược nhau hoặc có trường hợp bị hại do bị mua chuộc, đe dọa nên không hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng, không đi giám định. Mặt khác, trong số các tội xâm phạm sức khỏe thì có 05 tội chỉ được khởi tố, điều tra khi có yêu cầu khởi tố của bị hại là khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138 và 139 BLHS và trong trường hợp bị hại rút yêu cầu khởi tố trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải được đình chỉ..., những điều này ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài, dẫn đến nhiều trường hợp không thể chứng minh được nên không thể xử lý hành vi phạm tội, bỏ lọt tội phạm, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, ảnh hưởng đến công tác phòng chống tội phạm.

Vướng mắc trong việc xác định tội phạm.

Nhận thức và áp dụng các quy định pháp luật hiện hành của người tiến hành tố tụng vẫn chưa được đồng bộ, đặc biệt là trong định tội danh đối với các hành vi xâm phạm sức khỏe của con người (chưa phân biệt rõ ràng giữa tội giết người (Điều 123 BLHS) với trường hợp gây thương tích dẫn đến chết người (khoản 4 Điều 134 BLHS) hoặc trường hợp xác định như thế nào là cố ý gây thương tích cho

người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, có trường hợp người tiến hành tố tụng chưa phân biệt được tình tiết để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân (điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS 1999) với tội chống người thi hành công vụ (Điều 245 BLHS 1999), nay là điểm j khoản 1 Điều 134 và Điều 330 BLHS 2015. Trong thực tiễn thực hành quyền công tố trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tôi thấy nhiều bản án còn xác định không đúng tội danh do trong một số trường hợp chống người thi hành công vụ mà có gây thương tích nhưng người thi hành công vụ lại không yêu cầu xem xét hậu quả thương tích mà chỉ yêu cầu xem xét hành vi chống người thi hành công vụ. Trên thực tế đối với các trường hợp này, Viện kiểm sát đã truy tố về tội chống người thi hành công vụ theo Điều 257 Bộ luật hình sự nhưng cũng có trường hợp truy tố về tội cố ý gây thương tích theo điểm k khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Trong thực tiễn giải quyết nhiều vụ án, người phạm tội đã dùng hung khí nguy hiểm đâm, chém người khác dẫn đến tử vong, việc xác định tội của họ là giết người hay gây thương tích dẫn đến chết người theo khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự còn rất lúng túng, đôi khi làm nhẹ hoặc xấu đi tình trạng của người phạm tội do việc định tội danh không đúng...) ảnh hưởng nhiều đến việc phê chuẩn quyết định tố tụng, xác định điểm, khoản truy tố bị can và quyết định hình phạt trong quá trình giải quyết vụ án.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2 của luận văn, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh làm rõ thực trạng THQCT đối với các vụ án xâm phạm sức khỏe của khác từ thực tiễn VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong 05 năm (2013-2017) có thể thấy được những kết quả đã đạt được trong lĩnh vực hoạt động này với nhiều chuyển biến tích cực đã góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh-chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ lợi ích Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân.

Tuy nhiên trước yêu cầu cải cách tư pháp, hoạt động THQCT đối với nhóm tội xâm phạm sức khỏe của khác những năm qua còn có những hạn chế, tồn tại,

chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Những hạn chế tồn tại đó có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là do cơ cấu tổ chức, năng lực một bộ phận cán bộ, kiểm sát viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý, chỉ đạo điều hành mặc dù có những chuyển biến, đổi mới, tuy nhiên chưa mang lại hiệu quả thiết thực; ngoài ra còn nguyên nhân từ pháp luật thực định (đặc biệt là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự) còn nhiều bất cập như: bất cập của pháp luật Tố Tụng hình sự về thẩm quyền khởi tố vụ án của Tòa án; giới hạn xét xử của Tòa án; quyền trung cầu giám định của Tòa án; trình tự xét hỏi tại phiên tòa. Trong chương 2, tác giả của luận văn cũng chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn như: đánh giá tính có căn cứ của Kết luận giám định tỷ lệ thương tật; việc xác định tội phạm. Thực trạng trên cho thấy, cần phải có những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác THQCT đối với nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác của VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỨC KHỎE NGƯỜI KHÁC THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP.

3.1. Định hướng nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố theo yêu cầu Cải cách Tư pháp .

Quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân luôn được Đảng ta và các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, ngay từ khi mới thành lập. Trong tinh thần cải cách tư pháp hiện nay, những quan điểm chỉ đạo càng sâu sắc. Trở lại bối cảnh của tiến trình cải cách tư pháp, nhận thức được những hạn chế, bất cập của mô hình tổ tụng hình sự Việt Nam, trong đó có hệ thống Viện kiểm sát nhân dân; ngay từ những năm 2000, Đảng ta đã đưa ra những định hướng mang tính chiến lược cho công cuộc cải cách tư pháp một cách toàn diện.

Đầu tiên phải kể đến Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Nghị quyết 08/NQ-TW đã chủ động đề ra mục tiêu cải cách tư pháp, nhằm nâng cao chất lượng của công tác tư pháp. Đối với ngành Kiểm sát, Nghị quyết xác định: *Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp; tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt giữ.* Có thể nói, Nghị quyết đã tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhất và mang tính chất đặt nền móng cho tiến trình cải cách tư pháp một cách toàn diện sau này. Từ việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW một cách nghiêm túc, quyết liệt, vấn đề cải cách tư pháp trong hệ thống các cơ quan tư pháp nói chung, Viện kiểm sát nói riêng đã có những chuyển biến quan trọng như chuyển từ tổ tụng xét hỏi sang khuynh hướng tổ tụng tranh tụng; cơ chế xin lỗi, bồi thường cho những người bị oan trong hoạt động tổ tụng hình sự (theo nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003).

Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW, Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp đã tổng kết và khẳng định cần phải có những nội dung cải cách tư pháp phù hợp, thống

nhất, đồng bộ với cải cách, đổi mới trong hoạt động lập pháp và cải cách hành chính của hành pháp. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng (Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính trung ương, Phó trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp) khẳng định: *“Với những yêu cầu, thách thức nêu trên cho thấy nhu cầu xây dựng và thực hiện Chiến lược Cải cách tư pháp giai đoạn 2006-2020 là cấp thiết”*. Từ đó, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 49-NĐ/TW về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục khẳng định “Trước mắt, Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp”. Từ Chiến lược cải cách tư pháp này, mở đường cho hàng loạt những cải cách sâu rộng và toàn diện hệ thống cơ quan tư pháp nói chung, hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nói riêng.

Sau hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết 49/NQ-TW, ngày 28/7/2010 Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 79/KL-TW về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra, trong Kết luận tiếp tục khẳng định *“... Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp như hiện nay. Tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân thành 4 cấp, phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân”*[2].

Tại các Văn kiện quan trọng khác của Đảng, cũng luôn khẳng định chức năng công tố của Viện kiểm sát trong hệ thống pháp luật. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, tiếp tục khẳng định cần: *Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp*[3].

Từ những yêu cầu cấp thiết xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh trong một Nhà nước pháp quyền, Báo cáo tiếp tục chỉ đạo về tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân như sau: *Viện kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ*

chức Tòa án, bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra[3].

Như trên cho thấy, liên tục trong một thời gian dài (gần 10 năm), Đảng ta không ngừng tăng cường chỉ đạo đổi mới, hoàn thiện các cơ quan tư pháp. Trong các cơ quan đó, Viện kiểm sát cũng được quan tâm chỉ đạo đổi mới, theo hướng ngày càng tăng cường chức năng thực hành quyền công tố, bảo đảm cho quyền công tố Nhà nước được phát triển vững mạnh, phục vụ tốt hơn yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Từ các quan điểm trên, dẫn đến việc xác định định hướng hoàn thiện như sau:

Bảo đảm tính độc lập của Viện kiểm sát trong hoạt động thực hành quyền công tố:

Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát có ảnh hưởng rất lớn đến quyền tự do, quyền con người của công dân; cho nên phải bảo đảm Viện kiểm sát được hoàn toàn khách quan, độc lập trong hoạt động của mình.

Ở Việt Nam chúng ta, tính độc lập của cơ quan công tố cũng được đề cao. Chỉ trong thời gian đầu, ảnh hưởng của mô hình công tố của Pháp, cơ quan công tố nước ta được đặt trong hệ thống cơ quan Tòa án. Nhưng đến năm 1958, thực hiện Nghị quyết Quốc hội khóa I (ngày 29/4/1958), Nghị định số 156/TTg (ngày 1/7/1959), Nghị định số 321/TTg (ngày 2/7/1959) của Chính phủ, Viện công tố tách khỏi Bộ Tư pháp, được bảo tính độc lập trong hoạt động. Từ năm 1959, với Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 15/7/1960, cơ quan công tố được tổ chức thành hệ thống Viện kiểm sát từ trung ương đến địa phương, trực thuộc Quốc hội, được bảo đảm tính độc lập cao. Cho đến nay, qua nhiều lần thay đổi Luật tổ chức, nhưng Viện kiểm sát vẫn trực thuộc Quốc hội, bảo đảm tính độc lập cao như ban đầu. Trong tiến trình cải cách tư pháp, những năm gần đây cũng có nhiều quan điểm về việc thay đổi mô hình tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân, nhưng thiết nghĩ cũng phải bảo đảm tính độc lập trong hoạt động thực hành quyền công tố, và trực thuộc Quốc hội thì mới bảo đảm tính độc lập cao nhất.

Cũng có một thực tế cần nói thêm là mặc dù được luật bảo đảm tính độc lập, nhưng trong thực tế hoạt động, một số cơ quan VKS, cá nhân KSV lại làm cho mình mất dần tính độc lập. Đó là tình trạng “tranh thủ ý kiến cấp trên, cấp ủy, ban chỉ đạo, họp liên ngành...” nhất là những vụ việc có phức tạp đôi chút. Người ta hay dựa vào đó để tạo sự thống nhất cao trong quan điểm xử lý (có khi là trước khi xét xử) nhưng đâu biết rằng đang từ bỏ tính độc lập mà pháp luật đã ban cho mình. Sự thống nhất cao, thống nhất trước như vậy có mặt trái là dễ tạo oan, sai. Cho nên, để có một nền công tố mạnh, việc điều tra, truy tố, xét xử được khách quan thì từng cơ quan, nhất là cơ quan công tố, và cá nhân công tố viên, phải thực sự độc lập trong thực tế thực hành quyền công tố của mình. Tăng tính độc lập thì dĩ nhiên là phải chịu trách nhiệm cao hơn, nhưng đó là biện pháp cần để có một nền công tố mạnh, đáp ứng nhu cầu của công cuộc cải cách tư pháp, đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả hơn.

Tăng cường tinh thần trách nhiệm của Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong hoạt động thực hành quyền công tố:

Hoạt động thực hành quyền công tố là một hoạt động phức tạp, có nguy cơ xâm hại đến quyền tự do, dân chủ của công dân khá cao; cho nên Đảng, Nhà nước và nhân dân đòi hỏi tinh thần trách nhiệm của Viện kiểm sát và kiểm sát viên ngày càng cao.

Không phải ngày nay, mà từ những năm đầu thành lập, Đảng và các Đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước luôn nhắc nhở, yêu cầu ngành Viện kiểm sát không ngừng tăng cường tinh thần trách nhiệm trong hoạt động của mình. Năm 1967, tại Hội nghị tổng kết công tác năm của ngành Kiểm sát, Đồng chí Trường Chinh – Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nhấn mạnh: “*Công tố là một biện pháp chuyên chính trong bất cứ Nhà nước nào. Không có cơ quan Nhà nước nào có thể thay thế ngành Kiểm sát để sử dụng quyền công tố. Bắt, giam, điều tra, tha, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, điều đó chính là Viện kiểm sát phải trông nom, bảo đảm làm tốt*”[5].

Trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay, tinh thần trách nhiệm của Viện kiểm sát trong hoạt động thực hành quyền công tố cũng luôn được Đảng ta quan

tâm. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, khẳng định “...*bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra*”.

Trong nghị quyết 388 trước đây và Luật Bồi thường nhà nước quy định, Viện kiểm sát phải có trách nhiệm đối với hầu hết các trường hợp làm oan người vô tội, nhất là hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử. Luật quy định như trên là hợp lý bởi vì chỉ có ngành Kiểm sát thực hiện quyền công tố, và luật cũng quy định cho Ngành nhiều quyền hạn để tổ chức thực hành quyền công tố của mình, từ giai đoạn bắt đầu vụ án, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và, suy cho cùng, chỉ có tăng cường trách nhiệm trong hoạt động thực hành quyền công tố thì Viện kiểm sát mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xu hướng ngày càng tăng như hiện nay.

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam, trong hệ thống chính trị - xã hội, giữ vai trò lãnh đạo cao nhất đối với mọi tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan Nhà nước. Do đó, cơ quan công tố nước ta cũng không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng. Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát, tuy đòi hỏi bảo đảm tính độc lập trong hoạt động nghiệp vụ nhưng về quan điểm, đường lối công tố trong từng thời kỳ phải được gắn chặt với sự lãnh đạo của Đảng. Ngay từ khi mới thành lập, cơ quan công tố Việt Nam luôn được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng; và trong tiến trình cải cách tư pháp gần đây, sự lãnh đạo của Đảng đối với Viện kiểm sát nói chung và hoạt động thực hành quyền công tố nói riêng ngày càng sâu sát. Đảng yêu cầu Nhà nước “...*bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*”; đồng thời cũng yêu cầu Viện kiểm sát “*tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra*”.

Sự lãnh đạo của Đảng nói ở đây là sự lãnh đạo về chủ trương, đường lối, chính sách chứ không phải là sự bao biện, làm thay. Đảng Cộng sản Việt Nam, qua nhiều giai đoạn lãnh đạo cách mạng, luôn tự hoàn thiện, đổi mới mình. Trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay, Đảng cũng luôn có nhiều phương thức lãnh đạo các cơ quan tư pháp, trong đó có Viện kiểm sát. Viện kiểm sát, với chức năng thực hành quyền công tố kết hợp với chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp là công cụ hữu hiệu giúp cho Đảng, Nhà nước trấn áp tội phạm, nhất là tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia, Chế độ Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với Viện kiểm sát, Đảng lãnh đạo bằng cách đề ra chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới thích hợp. Từ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Điển hình là trong thời gian gần đây, từ chủ trương cải cách tư pháp qua các Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/1/2002, 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 mà hàng loạt giải pháp tác động đến hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, nhất là trong lĩnh vực thực hành quyền công tố. Mới đây, trong Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 Đảng lãnh đạo, chỉ đạo cơ cấu tổ chức Viện kiểm sát nhân dân "...Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp như hiện nay. Tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân thành 4 cấp, phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân[2]".

Đảng còn lãnh đạo Viện kiểm sát trong công tác tổ chức như tăng cường những cán bộ có năng lực của Đảng sang làm công tác quản lý, lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp. Hiện nay, các đồng chí lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp đa số đều là cấp ủy viên (Quận ủy viên, Thành ủy viên, Ủy viên Trung ương Đảng). Đó là công tác tăng cường năng lực lãnh đạo cho Viện kiểm sát. Từ đó, ngành Kiểm sát mới đủ mạnh để đảm bảo công tác thực hành quyền công tố trong đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự.

Đảng còn lãnh đạo qua công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng trong các tổ chức cơ sở Đảng trong ngành Kiểm sát, và đối với Đảng viên. Ngày nay, bất cứ cơ quan Viện kiểm sát cấp nào cũng có ít nhất một tổ chức cơ sở Đảng; và hầu như Kiểm sát viên nào cũng đều là Đảng viên của Đảng.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát Đảng viên trong lực lượng cán bộ, công chức Viện kiểm sát mà Đảng thực hiện chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nhất là những Kiểm sát viên-Đảng viên thực hành quyền công tố.

Qua đó, cho thấy trong xu hướng hoàn thiện hoạt động thực hành quyền công tố hiện nay đòi hỏi phải luôn luôn tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên cũng tránh những nhận thức lệch lạc trong vấn đề tăng cường sự lãnh đạo của Đảng như việc gì cũng tranh thủ sự đồng tình, phán quyết, xin ý kiến chỉ đạo... của Cấp ủy Đảng như việc khởi tố, truy tố, thậm chí tội danh, mức án đối với những vụ án cụ thể nào đó.

3.2 Hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố theo tinh thần Cải cách Tư pháp.

Thứ nhất, bỏ quy định về quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án

Liên quan đến vấn đề khởi tố vụ án hình sự còn có việc khởi tố vụ án hình sự của Tòa án theo quy định tại khoản 4, Điều 153 Bộ luật Tố tụng hình sự. Theo quy định trên thì “*Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra*”. Quy định trên không phù hợp với chức năng tố tụng của Tòa án, thiên lệch về hướng chức năng buộc tội của Viện kiểm sát. Vấn đề về tính khả thi trong quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Với lý do trên thực tế, theo khảo sát những năm gần đây, chưa có bất kỳ ghi nhận nào về việc hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Và, để tránh việc thiếu phù hợp giữa quy định này với quy định tại Điều 102 Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014 về chức năng duy nhất của các tòa án là xét xử. Do vậy, nhằm tạo điều kiện để Tòa án tập trung chức năng xét xử thì việc bỏ quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của hội đồng xét xử trong BLTTHS là điều cần thiết. Theo đó, tại phiên tòa xét xử nếu xác định phát hiện tội phạm mới hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra, hội đồng xét xử làm văn bản yêu cầu viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Cho nên nghĩ khi đã tăng cường trách nhiệm cho Viện kiểm sát trong việc khởi tố vụ án hình sự thì nên bỏ thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án (chỉ giữ lại quyền yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự). Đó cũng là trách nhiệm của Viện kiểm sát trong khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa mà phát hiện tội phạm mới hoặc được Tòa án phát hiện, yêu cầu khởi tố. Vì vậy khoản 4 Điều 153 BLTTHS nên được sửa đổi như sau:

Điều 153. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự

1. Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trừ những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp quy định tại Điều 164 của Bộ luật này.

3. Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp:

a) Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

b) Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

c) Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.

4. Hội đồng xét xử yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.

Khi điều luật này được sửa đổi thì có sự phân định chức năng tố tụng của các chủ thể tiến hành tố tụng rõ ràng hơn, từ đó chức năng công tố của Viện kiểm sát được khẳng định hơn, và Viện kiểm sát cũng phải có trách nhiệm làm tốt hơn.

Thứ hai, sửa đổi quy định về thẩm quyền xác minh, bổ sung chứng cứ của Tòa án.

Tòa án là cơ quan thực hiện chức năng xét xử, xét về lý luận chức năng tố tụng thì Tòa án không nên tự mình thu thập chứng cứ buộc tội hoặc gỡ tội trong quá trình chuẩn bị xét xử. Nếu qua nghiên cứu xét thấy có căn cứ thì Tòa án trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung. Trên thực tế giải quyết vụ án Cố ý gây thương tích, Tòa án tự ra quyết định trung cầu giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại hoặc năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp về lý luận. Do đó, cần sửa đổi Điều 252 Bộ luật TTHS theo hướng: bỏ quy định tại khoản 5 “*Trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản ngoài các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định, cần định giá tài sản quy định tại Điều 206 và Điều 215 của Bộ luật này; trung cầu giám định bổ sung, giám định lại; yêu cầu định giá lại tài sản*” và sửa đổi, bổ

sung khoản 6 Điều 252 BLTTHS theo như sau: “*Trường hợp Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ để giải quyết vụ án*”.

Thứ ba, sửa đổi quy định về trình tự xét hỏi tại phiên tòa (Điều 307 Bộ luật Tố tụng hình sự)

Theo điều 307 Bộ luật TTHS quy định thì “*Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi*”. Với trình tự xét hỏi như trên, thì trách nhiệm chứng minh tội phạm vô hình chung thuộc về Tòa án, như vậy làm mất đi tính khách quan của cơ quan xét xử, cũng chưa bảo đảm sự cân bằng trong tranh tụng giữa bên buộc tội và gỡ tội. Viện kiểm sát cũng không phát huy trách nhiệm và tinh thần chủ động trong việc chứng minh tội phạm, vốn thuộc cơ quan công tố (buộc tội). Cho nên, trình tự xét hỏi theo điều 307 BLTTHS nên được sửa đổi theo hướng hợp lý hơn là quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm là của Viện kiểm sát (Cơ quan buộc tội), còn Tòa án phải bảo đảm tính khách quan, công bằng giữa các bên buộc tội, gỡ tội. Vì vậy, nên giao cho Viện kiểm sát là chủ thể có trách nhiệm xét hỏi trước nhất tại phiên tòa. Kiểm sát viên hỏi trước, ngay sau phần công bố cáo trạng, để chứng minh tội phạm và người phạm tội mà mình truy tố. Sau đó đến Luật sư, để thực hiện chức năng bào chữa, gỡ tội và Hội đồng xét xử sẽ hỏi sau cùng. Cụ thể, điều 307 BLTTHS có thể sửa đổi như sau:

Điều 307. Trình tự xét hỏi

1. Kiểm sát viên phải xác định đầy đủ các tình tiết về từng sự việc và về từng tội của vụ án, để chứng minh tội phạm và người phạm tội.

2. Khi xét hỏi từng người, Kiểm sát viên hỏi trước, rồi đến người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự rồi đến Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Người giám định được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định.

3. Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử xem xét những vật chứng có liên quan trong vụ án.

Khi sửa đổi điều luật này theo hướng phân tích trên, sẽ làm cho vai trò của các chủ thể tố tụng tại phiên tòa phù hợp hơn với các chức năng tố tụng và lúc đó Viện kiểm sát sẽ có điều kiện thực hiện tốt hơn, chủ động hơn và có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

3.3 Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố theo tinh thần cải cách tư pháp

3.3.1. Giải pháp tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng quy định về các tội xâm phạm sức khỏe của người khác theo Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Qua nghiên cứu các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác trong thời gian qua nhận thấy các cơ quan tiến hành tố tụng thường nhầm lẫn việc định tội danh giữa tội phạm giết người với tội cố ý gây thương tích (Điều 134 BLHS), cùng một hành vi, tính chất, hậu quả tương tự nhau, có nơi định tội giết người, có nơi định tội cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người; ngoài ra trong quá trình áp dụng trong vụ án cụ thể chưa có sự thống nhất trong nhận định bị can, bị cáo phạm tội tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” hay không. Hiện đã có nhiều văn bản của ngành Tòa án, VKS hướng dẫn, nhưng còn chưa xác định các đặc trưng cơ bản để phân biệt ranh giới giữa tội giết người với tội cố ý gây thương tích và các tội phạm khác có dấu hiệu tương tự. Từ thực tiễn công tác, theo tác giả luận văn khi nghiên cứu hướng dẫn xử lý đối với tội phạm xâm phạm sức khỏe người khác như sau: Hướng dẫn định tội danh Cố ý gây thương tích theo hướng kết hợp đánh giá giữa ý thức chủ quan, hành vi khách quan và hậu quả pháp lý, cụ thể: Hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác bằng bất kỳ hình thức nào nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm Điều 123 BLHS dù hậu quả chết người có xảy ra hay không đều định tội danh giết người. Hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể (đầu, cổ, ngực, bụng) dẫn đến hậu quả chết người thì mọi trường hợp phải định tội danh giết người (không cần xác định ý thức người phạm tội có mục

đích giết người không, vì người phạm tội phải nhận thức việc này dẫn đến hậu quả chết người nhưng vẫn thực hiện). Trường hợp này xảy ra nhiều thực tế. Ví dụ: Một người sử dụng dao đâm chỉ 01 nhát vào vùng ngực làm nạn nhân tử vong do thủng tim, phổi; hoặc dùng cây đánh 01 cái vào vùng đầu làm nạn nhân tử vong. Quá trình điều tra, bị can khai không có ý thức giết chết nạn nhân, nhưng vẫn phải định tội danh giết người. Chỉ định tội danh Cố ý gây thương tích (dẫn đến chết người) khi tấn công vào các vùng không trọng yếu (tay, chân) dẫn đến hậu quả chết người do mất máu cấp, không cấp cứu kịp thời...

Hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm, tấn công vào các vùng trọng yếu trên cơ thể con người với cường độ không mạnh (như đâm, chém chỉ 01 cái) với lỗi cố ý gián tiếp (không nhằm mục đích tước bỏ tính mạng người khác -bỏ mặc hậu quả xảy ra), thì hậu quả đến đâu xử lý đến đó: Nếu hậu quả chết người xảy ra thì định tội Giết người, nếu hậu quả chết người không xảy ra (chỉ gây thương tích) thì xử lý về tội Cố ý gây thương tích. Hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm, tấn công vào các vùng trọng yếu trên cơ thể con người với cường độ mạnh (như đâm, chém nhiều cái) nếu nạn nhân không chết thì cũng phải xử lý tội giết người.

Hướng dẫn áp dụng tình tiết “*phạm tội có tính chất côn đồ*”.

Theo tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 38/NCPL ngày 6/01/1976 và tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1995, TAND Tối cao đã giải thích về tình tiết “có tính chất côn đồ” như sau: Khái niệm côn đồ được hiểu là hành động của những tên coi thường pháp luật, luôn luôn phá rối trật tự trị an, sẵn sàng dùng vũ lực và thích (hay) dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình, vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhất là đâm chém, thậm chí giết người. Hành động của chúng thường là xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự người khác, gây gổ hành hung người khác một cách vô cớ hoặc vì một duyên cớ nhỏ nhất..

Từ nội dung hướng dẫn nêu trên, có thể thấy một người phạm tội Cố ý gây thương tích có tính chất côn đồ thể hiện qua thái độ coi thường pháp luật, biểu hiện cụ thể chính là sự chủ động gây hấn, thích kiếm chuyện để gây thương tích cho người bị hại một cách vô cớ hoặc vì những lý do nhỏ nhất. Đối với trường hợp vô

có gây thương tích thì quá trình áp dụng không gặp khó khăn, vì đây đã thể hiện rõ bản chất côn đồ. Tuy nhiên để đánh giá thế nào là “duyên có nhỏ nhặt” trong vụ việc cụ thể để xem xét hành vi của người phạm tội có tính chất côn đồ hay không thì chưa có cách hiểu thống nhất, đặc biệt là trong trường hợp người bị hại có lỗi là nguyên nhân dẫn đến bị can thực hiện việc phạm tội. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật, đề nghị nghiên cứu hướng dẫn tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” trong trường hợp này, ngoài việc đánh giá đặc điểm nhân thân người phạm tội, cũng cần căn cứ vào hành vi khách quan và lỗi của người bị hại để đánh giá cho chính xác, theo hướng sau: Người bị hại không có hành vi đánh bị can trước, chỉ có lời nói cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn nhưng người phạm tội có hành vi gây thương tích cho người bị hại, thì đây là phạm tội có tính chất côn đồ. Trường hợp người bị hại tấn công người có hành vi gây thương tích trước: Thì cần xác định tỷ lệ thương tật gây ra (nếu có), tính chất mức độ của sự tấn công, để làm căn cứ xác định hành vi người phạm tội trong trường hợp này có tính chất côn đồ không. Người bị hại tấn công có cường độ tương đối lớn, liên tục, gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe người phạm tội; hoặc mặc dù không gây tổn thương nhưng là nguyên nhân dẫn đến việc bị can bị ức chế tâm lý, phản kháng gây thương tích cho nạn nhân, thì trường hợp này không phạm tội có tính chất côn đồ.

Đối với những vụ việc mâu thuẫn xảy ra trước đó như cãi vã, đánh nhau nhưng đã chấm dứt (về không gian và thời gian) hoặc đã được giải quyết xong, nhưng sau đó người phạm tội tiếp tục lấy hung khí tìm để đánh, gây thương tích thì phải xác định hành vi phạm tội có tính chất côn đồ.

Tất cả các trường hợp có sự chuẩn bị hung khí đánh, đâm chém nhau gây thương tích đều phải được định tội danh là phạm tội có tính chất côn đồ, kể cả trường hợp người phạm tội cũng bị nạn nhân đâm, chém lại bị thương. Thực tế này xảy ra các băng nhóm thanh toán nhau.

3.3.2. Nhóm giải pháp khác về nâng cao năng lực Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đối với tội các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

Năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và kinh nghiệm của KSV có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu công việc bất cứ lĩnh vực công tác nào. Vì vậy nâng cao hiệu quả THQCT đối với tội xâm phạm sức khỏe của người khác phải gắn liền với giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ KSV được phân công nhiệm vụ này. Để đạt được mục tiêu này, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, nâng cao ý thức của cán bộ ngành kiểm sát tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về xây dựng đội ngũ KSV “vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”. Hoạt động kiểm sát là lĩnh vực công tác đặc thù, phải nghiên cứu rất nhiều nguồn văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, ngoài ra, trong từng vụ việc cụ thể còn phải phân tích chứng cứ, đánh giá tâm lý người phạm tội..., do đó bắt buộc KSV phải tự học, tự rèn luyện về kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp chứng cứ, khả năng hùng biện, đối đáp để có thể vận dụng, sử dụng có hiệu quả trong quá trình THQCT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

Hai là, thực hiện tốt công tác rèn luyện, phẩm chất đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực đội ngũ KSV.

Đội ngũ cán bộ, KSV là lực lượng nòng cốt của ngành Kiểm sát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của của Ngành, có vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong điều kiện tác động mạnh của nền kinh tế thị trường, trước sự cám dỗ của lợi ích vật chất, đã có một số cán bộ, KSV yếu kém về bản lĩnh chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp, xảy ra tiêu cực trong hoạt động tác nghiệp. Chính vì vậy, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục đối với người cán bộ Kiểm sát. Thực hiện yêu cầu này, đòi hỏi người cán bộ Kiểm sát phải tự rèn luyện ý thức chính trị, nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như chủ trương, chính sách liên quan đến công tác của ngành Kiểm sát. Việc rèn luyện ý thức chính trị phải đi đôi với rèn luyện phẩm chất đạo đức. Bởi hoạt động THQCT trong tố tụng hình sự là hoạt động nhạy cảm, ranh giới giữa hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật khác... nhiều khi rất khó phân định. Trong khi đó, các

KSV hàng ngày tiếp xúc với mặt trái của xã hội, với nhiều hành vi vi phạm và tội phạm, nếu KSV không rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp rất dễ bị mua chuộc, lôi kéo, sa ngã. Muốn vậy, phải nâng cao hoạt động tuyên truyền, giáo dục rèn luyện thông qua công tác Đảng và quản lý cán bộ. Bên cạnh đó, cần phải đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nếu có.

Ba là, Tăng cường công tác tập huấn cho đội ngũ KSV THQCT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác.

BLTTHS có những quy định về trình tự tố tụng đối với vụ án hình sự. Quy chế THQCT, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự cũng xác định quy trình THQCT đối với vụ án hình sự nói chung. Tuy nhiên đối với từng loại tội phạm có những đặc điểm riêng, vì vậy công tác tập huấn và rút kinh nghiệm quá trình THQCT đối với từng tội danh là nhu cầu cần thiết, trong đó có các tội xâm phạm sức khỏe của người khác. Để thực hiện được mục tiêu này thì ngoài việc tập huấn cho đội ngũ KSV giữ nhiệm vụ THQCT các kỹ năng chung và cơ bản như: kiểm sát khám nghiệm hiện trường, kiểm sát giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp chứng cứ, kỹ năng viết và trình bày luận tội, thực hiện tranh tụng tại phiên tòa... thì hàng năm, cần có chương trình tập huấn chuyên sâu về kỹ năng THQCT đối với từng loại tội phạm. Theo đó nên kết hợp tập huấn kỹ năng THQCT đối với tội giết người và Cố ý gây thương tích dẫn đến chết người và các tình tiết định khung hình phạt, để thông qua đó KSV ngoài việc nâng cao năng lực THQCT còn rèn luyện kỹ năng đánh giá, phân tích và định tội danh đối với 02 loại tội này, phân định được các trường hợp giết người và cố ý gây thương tích dẫn đến chết người.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thực tế việc tổ chức thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng kể. Trong tiến trình cải cách tư pháp, ngành Kiểm sát đã có nhiều biện pháp tăng cường công tác công tố, góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững trật tự, an toàn xã hội. Song, yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian đòi hỏi phải có những giải pháp

manh mẽ hơn nữa trong vấn đề tổ chức thực hành quyền công tố, đảm bảo việc khởi tố, điều tra, truy tố phải đúng người, đúng tội, bảo đảm triệt để quyền tự do, dân chủ của công dân. Muốn có được những giải pháp hữu hiệu, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, tổ chức thực hiện quyền công tố vào thực tiễn một cách thích hợp.

Bằng sự nghiên cứu thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố trong những năm vừa qua, nhận thấy rằng để bảo đảm thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp phải có những giải pháp đồng bộ, từ hoàn thiện về mặt pháp luật, cho đến những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong thực tế. Các giải pháp mà tác giả đã đưa ra là: Tăng cường năng lực THQCT của VKSND, xuất phát từ việc nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn của KSV. Giải pháp nâng cao nghiệp vụ trong THQCT đối với tội xâm phạm sức khỏe người khác có ý nghĩa hết sức quan trọng cũng được tác giả đề cập. Cuối cùng là nhóm giải pháp tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng BLHS về các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và BLTTHS năm 2015 có liên quan đến THQCT, theo đó tác giả đề xuất một số nội dung hướng dẫn trong định tội danh đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác và cũng như thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự thời gian tới. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 vừa có hiệu lực thi hành nhưng gặp một số bất cập, cần phải được nghiên cứu sửa đổi trong thời gian sắp tới. Trên cơ sở sửa đổi pháp luật, ngành Kiểm sát cũng cần nghiên cứu nhiều giải pháp hoàn thiện thực tiễn thực hành quyền công tố của Ngành. Trong các vấn đề trên, việc *tăng cường công tố trong khởi tố* nhằm chống lọt người, lọt tội; *tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra* để kết quả điều tra có chất lượng, bảo đảm căn cứ truy tố, hạn chế hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và *nâng cao chất lượng tranh tụng trước phiên tòa* nhằm bảo đảm thực hiện quyền công tố trong việc buộc tội, vừa công khai, dân chủ, vừa nghiêm minh để có tác dụng phòng, chống tội phạm cao. Những giải pháp ấy, ngành Kiểm sát cần có kế hoạch nghiên cứu thực hiện sâu, rộng trong toàn Ngành trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Nhiệm vụ cải cách tư pháp đặt ra đối với các cơ quan tư pháp nói chung và VKS nói riêng là rất nặng nề. Từ giai đoạn tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, khởi tố vụ án hình sự đến giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, đòi hỏi VKS phải tăng cường hơn nữa, trách nhiệm của KSV trong hoạt động thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ và lập hồ sơ vụ án hình sự của CQĐT, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự phải đảm bảo không để lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát đòi hỏi VKS phải tiếp tục thực hiện tốt chức năng công tố theo hướng tăng cường trách nhiệm của kiểm sát viên trong hoạt động điều tra, truy tố, nâng cao chất lượng công tố tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.... Để đáp ứng yêu cầu thực hiện công cuộc cải cách tư pháp đã được Đảng đặt ra trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”; và đặc biệt ngày 02 tháng 6 năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" cũng như để tuân thủ Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014. Luận văn đã giải quyết được một số vấn đề sau: Luận văn phân tích và đưa ra khái niệm về quyền công tố và thực hành quyền công tố giúp phân biệt hai khái niệm này trong khoa học cũng như trong thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố.

Luận văn đã phân tích các đặc trưng pháp lý của nhóm tội xâm phạm sức khỏe của con người theo quy định Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017. Trên cơ sở đó, tìm ra sự tương đồng cũng như những khác biệt để có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam khi hoàn thiện pháp luật TTHS cũng như trong quá trình triển khai thực hành quyền công tố trong quá trình giải quyết vụ án. Trên cơ sở đánh giá tổng kết kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành kiểm sát những năm qua tìm ra những thiếu sót, hạn chế để đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của VKS. Đồng thời, luận

văn cũng chỉ ra một số sự bất cập giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp về chức năng, nhiệm vụ của VKS từ đó đề xuất, kiến nghị đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền chỉnh sửa những quy định pháp luật chưa rõ ràng, cụ thể, chưa sát với thực tiễn để tạo mọi điều kiện cho việc thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ mà nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Beo (2008), *Luật hình sự Việt Nam phân chung*, Nxb chính trị quốc gia, Cần Thơ.
2. Bộ Chính trị (2010), *Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NĐ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
3. Bộ Chính trị (2011), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*.
4. Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học* (2006), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
5. Trường Chinh (1967), *Kết luận tại Hội nghị tổng kết ngành Kiểm sát năm 1967*.
6. Trần Văn Độ (2001), *Một số vấn đề về quyền công tố*, Tạp chí Luật học, (số 3), tr3-7.
7. Nguyễn Minh Đức (2012), *Quyền công tố và tổ chức thực hiện quyền công tố trong nhà nước pháp quyền*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 1), Tr 56-57
8. Đỗ Đức Hồng Hà (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Nguyễn Quốc Hân (2015), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra tội giết người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
10. Lê Thanh Hưng (2015), *Chức năng thực hành quyền công tố của viện kiểm sát nhân dân*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.

11. Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Các chức năng tổ tụng hình sự việt nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2005), *Giáo trình Luật hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Học viện tư pháp (2014), *Giáo trình kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS*, Nxb tư pháp, Hà Nội.
14. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Minh Nhật (2015), *Khởi tố vụ án hình sự- một số tồn tại bất cập và đề xuất hướng hòa thiện*, Nghiên cứu trao đổi, Tr.2.
16. Nxb Đà Nẵng (1988), *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng.
17. Nxb Từ điển Bách khoa- Nxb Tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, Hà Nội.
18. Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Lê Hữu Thể (2000), *Về khái niệm quyền công tố*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (số 7), tr.8-15.
21. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác kiểm sát*, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
22. Trường đại học Luật TP.HCM (2008), *Tập bài giảng Luật Tố tụng hình sự*, tài liệu lưu hành nội bộ, TP Hồ Chí Minh.
23. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Chuyên đề tập huấn “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”*.

24. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSTC-BCA-TANDTC* ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ điều tra bổ sung.

25. Trần Thị Quang Vinh (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm Quyển 1*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Kết quả THQCT trong việc phê chuẩn quyết định tố tụng của CQĐT đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác (Giai đoạn 2013-2017)

Năm	Số trường hợp VKS phê chuẩn bắt khẩn cấp/ Số đề nghị (1)	Số trường hợp VKS phê chuẩn gia hạn tạm giữ / Số đề nghị (2)	Số trường hợp VKS phê chuẩn tạm giam, bắt tạm giam/ Số đề nghị (3)	Số trường hợp VKS phê chuẩn khởi tố bị can/ Số đề nghị (4)	Tạm giữ hình sự không xử lý hình sự (5)
2013	64/65	65/67	145/156	462/462	15
2014	70/70	70/72	124/135	372/373	20
2015	79/81	79/82	98/120	306/310	10
2016	55/57	55/60	156/170	279/281	23
2017	61/62	61/64	149/153	236/238	07
Tổng	329/335	329/345	672/734	1655/1664	75

(Nguồn: theo số liệu báo cáo, thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước qua các năm: 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017)

Ghi chú:

- VKS không phê chuẩn bắt khẩn cấp 06 trường hợp, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 16 trường hợp;
- VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam, bắt tạm giam: 62 trường hợp; không phê chuẩn khởi tố bị can 09 trường hợp.

Bảng 2.2: Tình hình Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố về tội cố ý gây thương tích, từ năm 2013 đến năm 2017.

Năm	VKS yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố vụ án	VKS yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố bị can
2013	-	-
2014	01 vụ	00
2015	01 vụ	02 bị can
2016	01 vụ	03 bị can
2017	01 vụ	02 bị can
Tổng số	04 vụ	07 bị can

(Nguồn: theo số liệu báo cáo, thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước qua các năm: 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017)

Bảng 2.3: Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu cơ quan điều tra thay đổi tội danh từ Điều 134 BLHS sang Điều 135 BLHS từ năm 2013 đến năm 2017.

Năm	Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra thay đổi tội danh từ Điều 134 BLHS sang Điều 135 BLHS	Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố
2013	01 vụ/ 01 bị can	00
2014	00	00
2015	00	00
2016	00	00
2017	01 vụ/ 01 bị can	00
Tổng số	02 vụ/ 02 bị can	00

(Nguồn: theo số liệu báo cáo, thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước của các năm: 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017)

Bảng 2.4: Số liệu thụ lý và giải quyết án xâm phạm sức khỏe của người khác trong giai đoạn truy tố từ năm 2013 đến năm 2017.

Năm	Số vụ/bị can CQĐT đề nghị truy tố	Số vụ/bị can VKS trả HS ĐTBS	Số vụ/bị can tạm đình chỉ	Số vụ/bị can Đình chỉ	Ghi chú
2013	163/399	7/14	00	7/11	01 vụ đình chỉ không tội
2014	133/235	3/4	00	3/6	
2015	117/206	2/9	01	1/1	
2016	133/208	3/10	00	6/9	
2017	146/234	6/15	00	5/7	
Tổng	692/1282	21/52	01	22/34	

(Nguồn: theo số liệu báo cáo, thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước của các năm: 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017)